

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân** Chức vụ: **Người được UQCBTT**

Loại thông tin công bố: 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2020.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 1 /4 /2021 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

THÔNG TIN CHUNG



1. Thông tin khái quát

Tên tiếng anh : **ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **BÌNH DƯƠNG ACC**

Giấy CNĐKDN : 3700926112

Vốn điều lệ : 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ đồng)

Địa chỉ : Lô D_3_CN, đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274 3567200

Fax : 0274 3567201

Email : becamexacc@gmail.com

Website : www.becamexacc.com.vn

Mã cổ phiếu : ACC



Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (tên cũ là: Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa 2 Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng và Xí nghiệp công bê tông cốt thép trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một Thành Viên (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/6/2008 với vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 1) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Năm 2009, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22/12/2009.

Năm 2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng. Ngày 05/11/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 2).

Ngày 21/5/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 3) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 22/5/2014, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 4) bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

Ngày 28/6/2014, Công ty mua 65.900 cổ phiếu BHCC của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương và ngày 30/7/2015 Công ty nhận được 19.770 cổ phiếu thưởng BHCC nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 85.670 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ.

Ngày 10/7/2014, Công ty mua thêm 1.245.000 cổ phiếu HJC của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 2.490.000 cổ phiếu, chiếm 12,45% vốn điều lệ.

Ngày 19/6/2015, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 5) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 01/7/2015, Công ty mua 900.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG), chiếm 60% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của ABG.

Ngày 09/5/2016, Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trong năm 2017, Công ty đã góp vốn lần 2 tại Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình với 450.000 cổ phần do Công ty này phát hành cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng số cổ phần sở hữu lên 1.350.000 cổ phần.

Ngày 01/02/2019, Tổng Công ty Becamex IDC bán toàn bộ 7.336.704 cổ phần Công ty Cổ phần Bê tông Becamex mà mình sở hữu cho cổ đông khác.

Ngày 10/05/2019, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 6) Công ty Cổ phần Bê tông Becamex đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 21/12/2020, Công ty kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ. Ngày 09/02/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 7) tăng vốn điều lệ thành 300.000.000.000 đồng.



2. Ngành nghề kinh doanh chính



Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC trong địa bàn tỉnh Bình Dương và một số tỉnh lân cận.



3. Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

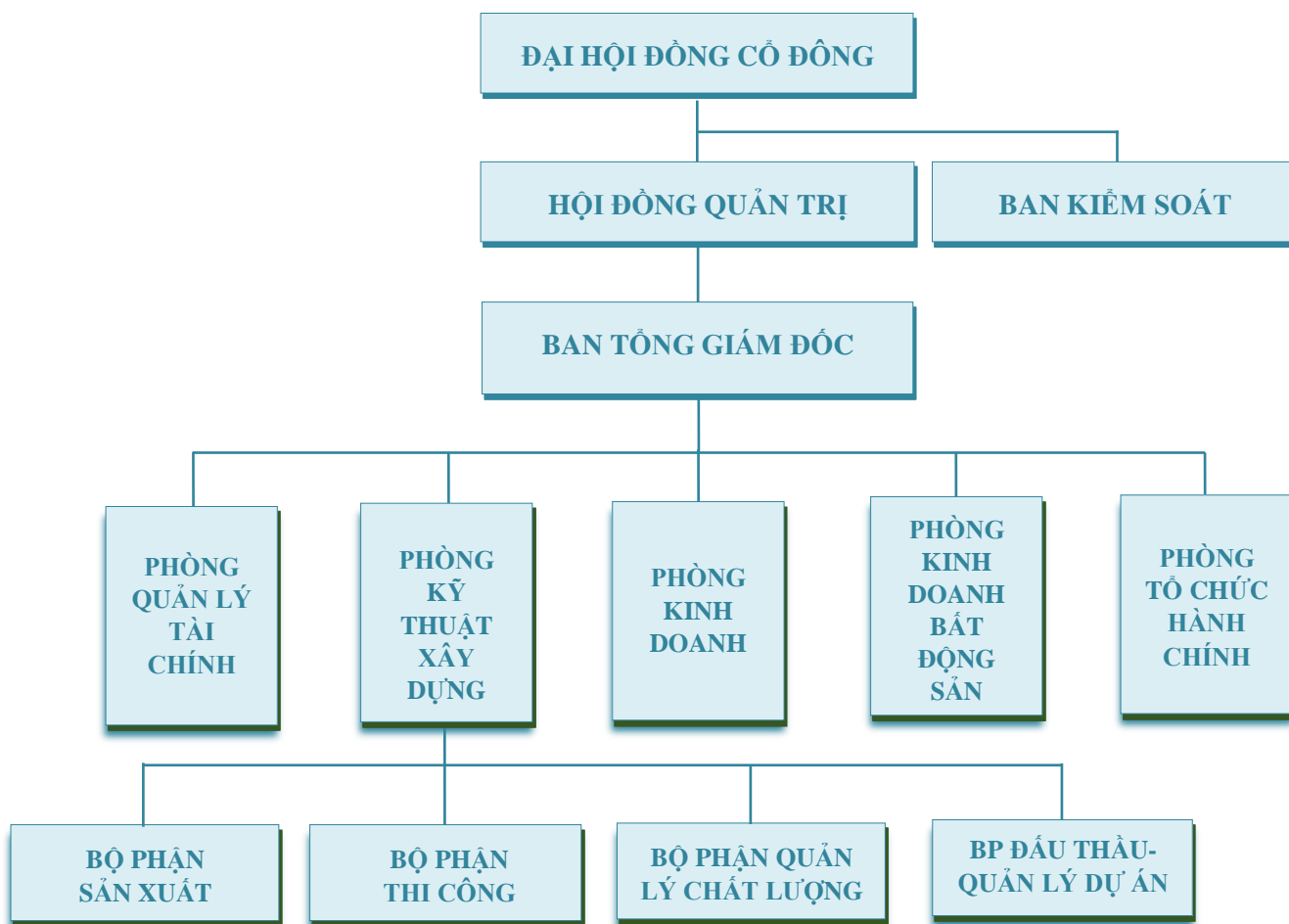
Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 5 thành viên.

Ban kiểm soát: Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên.

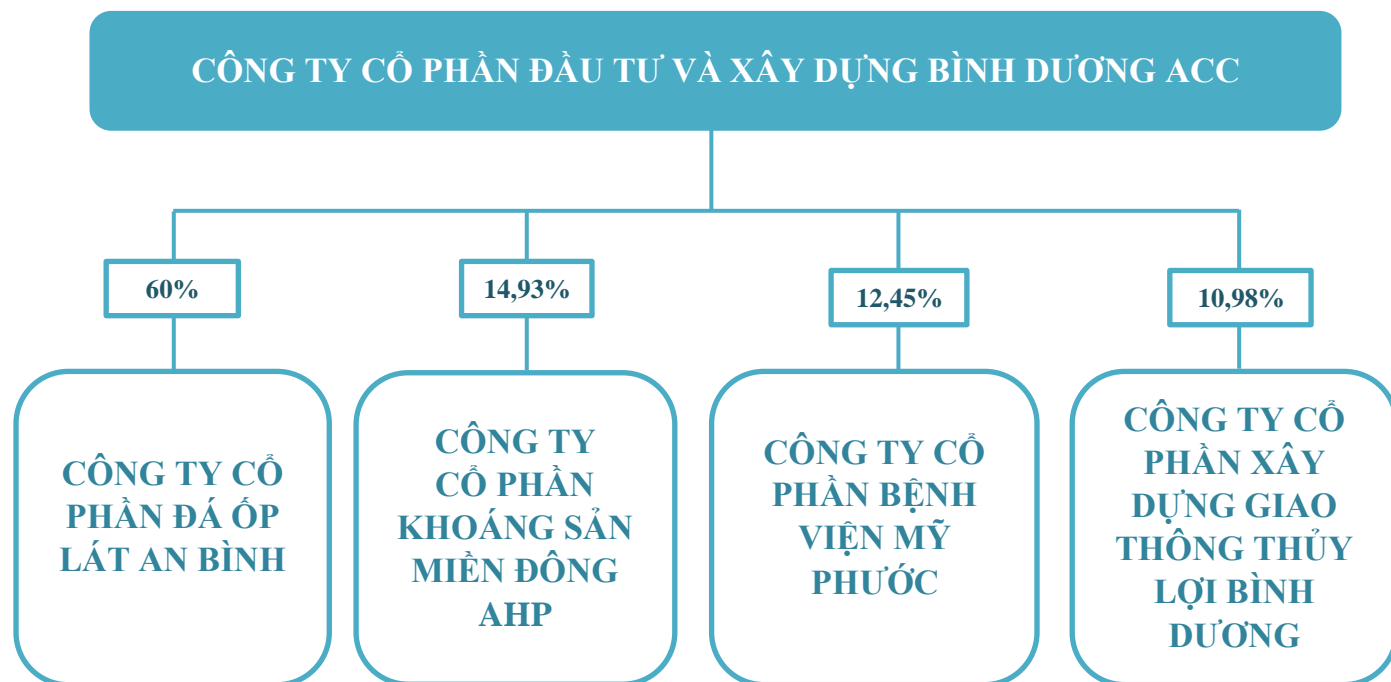
Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất của Công ty; thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ công ty



Các công ty con, công ty liên kết



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ ỐP LÁT AN BÌNH (Tên viết tắt: ABG)

Vốn điều lệ	22.500.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng)
Tỷ lệ góp vốn	1.350.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Hoạt động đập vỡ, nghiền đá)

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP (BMJ)

Vốn điều lệ	300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
Tỷ lệ góp vốn	4.479.600 cổ phần, chiếm 14,93%/vốn điều lệ (Ngày 18/02/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã chuyển nhượng 17.918.400 quyền mua cổ phiếu BMJ cho bên khác, do đó đã giảm tỷ lệ sở hữu từ 74,66%/vốn điều lệ còn 14,93%/vốn điều lệ)
Địa chỉ trụ sở	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi tiết: Khai thác khoáng sản trừ khai thác cát) và các ngành nghề kinh doanh khác như: vận tải hàng hóa; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN MỸ PHƯỚC (HJC)

Vốn điều lệ	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
Tỷ lệ góp vốn	2.490.000 cổ phần, chiếm 12,45% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, Đường TC 3, tổ 6, khu phố 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Hoạt động của bệnh viện; Hoạt động của phòng khám chữa bệnh; Bán buôn dược phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị y khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG THỦY LỢI BÌNH DƯƠNG (BHCC)

Vốn điều lệ	6.000.000.000 (Sáu tỷ đồng)
Tỷ lệ góp vốn	65.900 cổ phần, chiếm 10,98% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Số 225, Đường 30 Tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, buro điện; Xây lắp điện trung hạ thế (đến 35KVA), hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu và biển báo giao thông; Trồng cây đô thị; Dịch vụ sơn kẻ vạch phân luồng bằng sơn nóng; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, buro điện và công trình xây lắp điện trung thế; Thiết kế xây dựng cầu, đường bộ

4. Định hướng phát triển**Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ với giá cả cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

Củng cố thị trường truyền thống, đẩy mạnh và phát huy việc mở rộng thị trường mới thông qua việc cung cấp cho thị trường các sản phẩm đảm bảo chất lượng, dịch vụ tốt với tinh thần trách nhiệm cao, phù hợp với yêu cầu và lợi ích khách hàng.

Với chính sách "*Chất lượng cho mọi công trình*", Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC cam kết không ngừng sáng tạo đem đến cho khách hàng những sản phẩm đảm bảo chất lượng về kỹ thuật, thẩm mỹ và độ an toàn cao.

Tiếp tục phát huy thế mạnh những ngành nghề chủ lực và phát triển đa dạng các dòng sản phẩm hiện có với giá cạnh tranh, lấy chuẩn mực tạo ra chất lượng; phát triển thêm ngành nghề kinh doanh bất động sản, đem lại lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác và cổ đông.

Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp vào công cuộc đổi mới của tỉnh nhà, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty theo đuổi chính sách “*Chất lượng cho mọi công trình*”, vì vậy việc không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình là chiến lược xuyên suốt của Công ty.

Tăng cường quảng bá thương hiệu, hình ảnh của Công ty một cách phù hợp thông qua việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, đặc biệt trong giai đoạn phát triển sản phẩm mới thông qua các công nghệ tiên tiến để tăng sản lượng, quy mô, đảm bảo đầu tư có hiệu quả và đúng thời điểm trong tương lai.

Tăng cường hợp tác đầu tư phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước, làm chủ đầu tư các Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên Công ty vẫn duy trì và phát triển mở rộng các ngành nghề kinh doanh chủ lực sẵn có: sản xuất và thi công bê tông nhựa, sản xuất cống và cầu kiện các loại, thi công xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật... để tạo nguồn tài chính ổn định trong tương lai. Nguồn vốn sử dụng đầu tư bằng vốn tự có, vốn thu được từ phát hành cổ phiếu, vốn vay ngân hàng...

Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ CNV Công ty để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Nhận thức được việc muốn phát triển bền vững thì doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật không những về hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn về đảm bảo quyền lợi cho người lao động, bảo vệ môi trường, vì vậy Bình Dương ACC luôn cố gắng không ngừng để mở rộng mạng lưới tiêu thụ, cải thiện các chính sách cho người lao động, đảm bảo thu nhập, nâng cao trình độ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực và chú trọng công tác bảo vệ môi trường.

Luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại nhà máy và các công trình thi công, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, thi công. Kiểm tra định kỳ các máy móc thiết bị sản xuất, thi công, phương tiện vận tải, phân loại chất thải theo đúng quy định.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH:

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng Công ty sẽ gặp phải những rủi ro về đặc thù ngành như sau:

Rủi ro cạnh tranh:

Nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, trước áp lực mở cửa thị trường và tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, Công ty cũng tăng cường công tác nghiên cứu, thâm nhập thị trường mới nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh về giá và thị phần giữa các doanh nghiệp trong nội bộ ngành. Hiện nay, Công ty phải chịu sức cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp hoạt động chung ngành nghề.

Ứng phó với rủi ro trên, Bình Dương ACC phải củng cố lại các mặt hoạt động, quản trị chi phí hiệu quả hơn nữa để giảm giá thành sản phẩm, dự trữ nguồn nguyên liệu chính, tìm kiếm nguồn cung ứng mới để giảm áp lực từ phía nhà cung cấp hiện tại, thâm nhập sâu hơn vào thị trường hiện hữu, phân loại khách hàng để có chính sách bán hàng thích hợp. Bên cạnh đó, dưới áp lực cạnh tranh ngày càng cao Công ty không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và công nghệ sản xuất, thi công để đáp ứng nhu cầu hiện nay.

Rủi ro về thị trường xây dựng và Bất động sản:

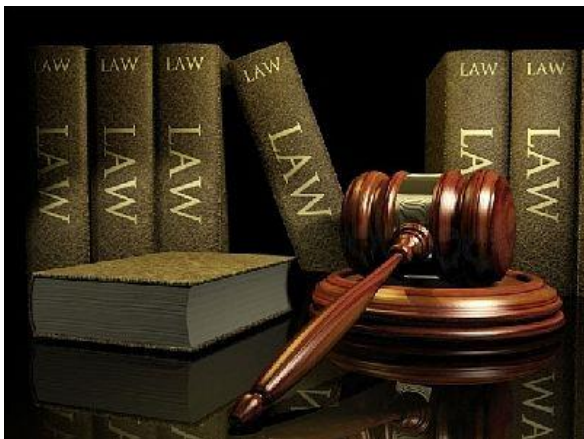
Thị trường xây dựng và bất động sản tiềm ẩn nhiều yếu tố xung quanh như: biến động giá nguyên vật liệu, cung cầu thị trường, chính sách của các Ngân hàng... Bất kỳ thay đổi đột ngột nào cũng có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, sản xuất, thi công của Công ty.

Việc thu hồi nợ, quá trình giải ngân của các công trình thi công xong khá chậm do thời gian thi công thường kéo dài, việc nghiệm thu công trình hay bàn giao thường được thực hiện trễ hơn dự kiến, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như việc quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, sẽ ảnh hưởng một phần tới hoạt động quay vòng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về an toàn lao động:

Do tính đặc thù ngành nghề của công ty, vì vậy Công ty rất chú trọng đến công tác an toàn cho người lao động, ngoài việc Công ty thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn an toàn vệ sinh lao động định kỳ, trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định, Ban An toàn lao động hàng tuần kiểm tra công tác an toàn lao động tại các công trường và nhà máy đồng thời truyền thông đến người lao động các quy định về an toàn lao động để giảm thiểu tối đa nguy cơ xảy ra tai nạn lao động trong sản xuất, thi công.

Rủi ro về luật pháp:



Là một Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, ngoài chịu điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, hoạt động của Công ty còn chịu điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành khác. Sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vào đầu năm 2021, rất nhiều văn bản pháp luật điều

chỉnh hoạt động của Công ty đã được thay thế mới và có hiệu lực thi hành, do đó để hạn chế những rủi ro pháp luật phát sinh, Công ty luôn chú trọng theo dõi, nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Rủi ro khác:

Ngoài những rủi ro kể trên, Công ty luôn có ý thức phòng tránh các rủi ro bất khả kháng như: chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những rủi ro này mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro này, Bình Dương ACC thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty, tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm để phòng ngừa và giảm thiểu tối đa những tổn thất lớn có thể xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC năm 2020 như sau:

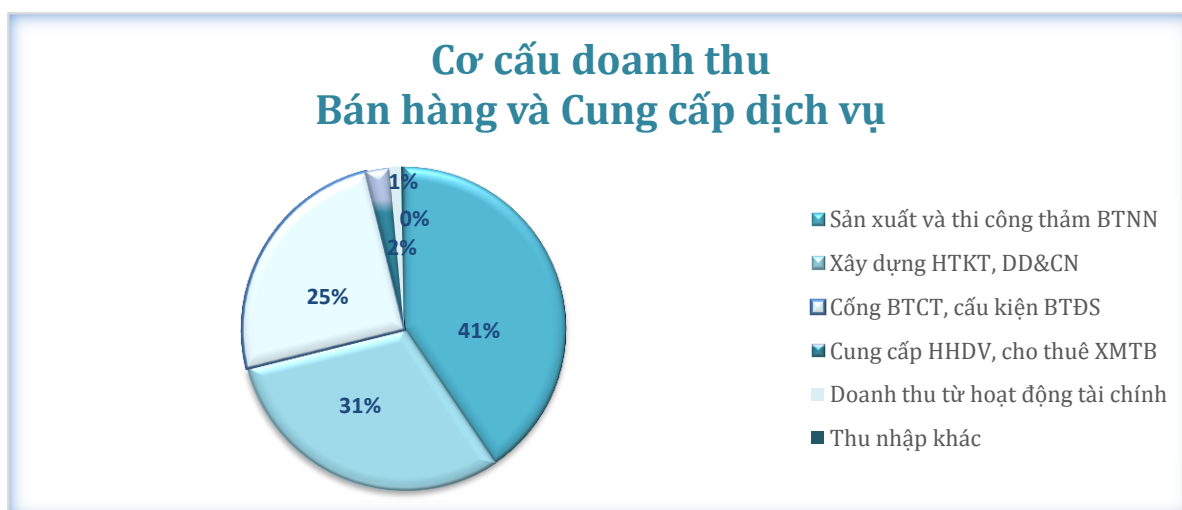
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	595.107.167.915	408.276.067.734	68,6%
	<i>Sản xuất, kinh doanh & thi công BTNN</i>	<i>175.228.317.096</i>	<i>165.419.991.319</i>	<i>94%</i>
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	<i>305.079.053.240</i>	<i>125.098.582.618</i>	<i>41%</i>
	<i>Cống BTCT, cầu kiện BTĐS</i>	<i>100.067.997.578</i>	<i>102.056.536.782</i>	<i>102%</i>
	<i>Doanh thu cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>9.711.554.849</i>	<i>97%</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>4.731.800.000</i>	<i>4.842.665.443</i>	<i>102%</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>-</i>	<i>1.146.736.723</i>	
2	Tổng chi phí	536.104.443.442	354.941.868.644	66,2%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	59.002.724.472	53.334.199.090	90,4%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	48.048.539.578	43.508.075.627	90,5%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Trong năm 2020 mặc dù dịch bệnh Covid-19 có nhiều diễn biến phức tạp cũng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của công ty. Mặc dù không đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHCĐ đề ra nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể nhân viên, Công ty đã đạt kết quả kinh doanh rất tốt trong năm 2020.



Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020
1	Tổng doanh thu	97.923.607.731
1.1	Doanh thu bán hàng	97.270.510.811
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	118.603.069
1.3	Thu nhập khác	534.493.851
2	Tổng chi phí	72.786.885.402
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	25.136.722.329
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.612.081.790

*(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)***Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG)**

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020
1	Tổng doanh thu	12.123.660.712
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	11.994.541.536
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	129.119.176
1.3	Thu nhập khác	-
2	Tổng chi phí	10.952.790.119
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.170.870.593
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.170.870.593

*(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)***Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2020**

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH hợp nhất năm 2020	TH hợp nhất năm 2020	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	700.125.541.915	489.354.243.168	69,9%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	81.089.890.853	78.801.863.396	97,2%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	65.877.536.553	65.030.620.646	98,7%
3.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61.680.712.789	59.315.566.214	96,2%
3.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	4.196.823.763	5.715.054.432	136,2%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Tình hình đầu tư, góp vốn

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tỷ lệ đầu tư góp vốn vào các Công ty như sau:

Công ty	BMJ	ABG	HJC	BHCC
Số cổ phần sở hữu	4.479.600	1.350.000	2.490.000	85.670
Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	74,66%	60%	12,45%	10,98%

Ngày 18/02/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã chuyển nhượng 17.918.400 quyền mua cổ phiếu BMJ cho bên khác, do đó đã giảm tỷ lệ sở hữu từ 74,66%/vốn điều lệ còn 14,93%/vốn điều lệ.

Trong năm công ty đầu tư thêm xe máy để đáp ứng yêu cầu thi công với tổng giá trị là **3.814.181.701** đồng, trong đó:

- Đầu tư máy móc, thiết bị: 155.000.000 đồng
- Đầu tư phương tiện vận tải, truyền dẫn: 3.659.181.701 đồng

2. Tổ chức và nhân sự**Danh sách Ban điều hành****ÔNG: NGUYỄN HỒNG TUYẾN**

Chức vụ : Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn : Xây dựng cầu đường.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 19/02/2021): 100 cổ phần, chiếm 0,000%.

Quá trình công tác:

Từ năm 2004 - 2005: nhân viên Công ty Cổ phần Giao thông Vận tải Lam Hồng.

Từ tháng 9/2005 - 01/2006: nhân viên Bộ phận xây dựng và bất động sản Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Tháng 02/2006: nhân viên Trạm cầu kiện bê tông đúc sẵn Mỹ Phước thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Từ tháng 3/2006 - 8/2006: Phó bộ phận cầu kiện bê tông Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Từ tháng 9/2006 - 11/2006: Phó bộ phận cầu kiện bê tông kiêm giám sát công trường Xí nghiệp xây dựng TDC thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Tháng 3/2007: nhân viên Xí nghiệp bê tông thuộc Phòng sản xuất kinh doanh trực thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Từ tháng 7/2008 - 3/2011: Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 4/2011 - 5/2015: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ ngày 01/6/2015 - 11/6/2015: Phó Tổng Giám Đốc phụ trách kinh doanh kiêm Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 12/06/2015 đến 06/9/2020: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2020): Không.

ÔNG: VŨ THÀNH TÀI

Chức vụ : Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn : Cử nhân vật lý
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 19/02/2021): 0 cổ phần.

Quá trình công tác:

Từ năm 2000 - 2002: Nhân viên Phòng công nghiệp giao thông xây dựng huyện Phú Giáo.
Từ năm 2002 – 06/2008: Nhân viên Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp.
Từ năm 06/2008 – 10/2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP).
Từ 11/2015 – 2/2020: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
Từ 2/2020 – 08/2020: Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.
Từ tháng 9/2020 - 14/12/2020: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.
Từ 15/12/2020 - 31/12/2020: công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.
Từ ngày 01/4/2020 đến nay: Trợ lý Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2020): Trợ lý Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

ÔNG: TRƯƠNG VĂN NGHĨA

Chức vụ : Quyền Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính doanh nghiệp; Cử nhân tiếng Anh
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 19/02/2021): 0 cổ phần.

Quá trình công tác:

Từ năm 2001 - 2003: Kế toán viên Công ty Bảo Hiểm Quốc tế Mỹ (AIA).
Từ năm 2003 - 2007: Kế toán viên Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
Từ năm 2007 - 2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam.
Từ 2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.
Từ 02/4/2019 - 30/8/2019: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC; Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.
Từ ngày 15/12/2020: Quyền Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2020): Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

ÔNG: NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn : Xây dựng cầu đường
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 19/02/2021): 24 cổ phần, chiếm 0,00%.

Quá trình công tác:

Từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2006: Giám sát thi công tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Từ tháng 10/2006 đến tháng 6/2007: Phó Giám Đốc Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư & Phát triển Công Nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP).

Từ tháng 7/2007 đến tháng 6/2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sản xuất Vật liệu xây dựng Becamex.

Từ tháng 7/2008 đến 11/02/2020: Phó Tổng giám đốc - kiêm Trưởng Phòng kỹ thuật xây dựng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Từ ngày 12/02/2020 đến 14/12/2020: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ ngày 15/12/2020: Trợ lý Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2020): Không.

ÔNG: PHẠM HỮU NGUYỄN

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 19/02/2021): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ tháng 01/2014 – 3/2017: Kỹ sư xây dựng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.

Từ tháng 4/2017 – 12/2017: Nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Hàn.

Từ tháng 13/3/2020 - 14/12/2020: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng kỹ thuật xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 15/12/2020 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2020): Trưởng phòng kế hoạch – kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội.

BÀ: NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc tài chính

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 19/02/2021): 700 cổ phần, chiếm 0,0001%.

Quá trình công tác:

Ngày 01/04/2003: Kế toán tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - CTCP.

Từ tháng 7/2008 đến tháng 2/2009: Kế toán kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 3/2009 đến ngày 28/2/2011: Phụ trách phòng kinh doanh kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ ngày 01/3/2011 đến ngày 31/7/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 01/8/2015 đến 13/5/2019: Phó Tổng giám đốc phụ trách Phòng quản lý tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 14/5/2019 đến 31/12/2020: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2020): Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.

ÔNG: LÊ HÙNG LAM

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kế toán – kiểm toán

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 19/02/2021): 50 cổ phần, chiếm 0,000%.

Quá trình công tác:

Từ 07/2008 – 01/2015: nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 02/2015 – 07/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

Từ 08/2015 – 07/2018: Phó phòng SXKD tổng hợp Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex.

Từ 08/2018 – 12/2018: Tổ trưởng tổ KSNB Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 01/2019 đến 12/03/2020: Phó phòng Quản lý tài chính Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

Từ ngày 13/03/2020 đến 14/12/2020: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ ngày 15/12/2020 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2020): Không.

ÔNG: PHẠM HUY HẬU

Chức vụ : Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính tới 19/02/2021): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ 1987 – 1990: Kế toán tại Công ty thủy sản đông lạnh Năm Căn, Cà Mau.

Từ 1991 – 1996: Kế toán Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải, Cà Mau.

Từ 1997 – 2000: Cán bộ Cục Quản lý vốn Minh Hải.

Từ 2000 – 2001: Kế toán Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Tắc Vân, Cà Mau.

Từ 2002 – 2005: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng và Kinh doanh nhà Nam Việt.

Từ 2005 – 2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Bao bì Việt – thuộc Daso Group.

Từ 2008 – 9/2009: Kế toán trưởng Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và kỹ thuật xây dựng M.E.I

Từ 9/2009 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương

14/5/2019 - 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2020): Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm có sự thay đổi trong Ban điều hành như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Quốc Thanh	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 13/02/2020
2	Võ Thành Tài	Phó Tổng giám đốc thường trực	Bổ nhiệm kể từ ngày 13/02/2020 Miễn nhiệm kể từ ngày 07/09/2020
		Tổng giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 07/09/2020 Miễn nhiệm kể từ ngày 15/12/2020
3	Nguyễn Hồng Tuyên	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 07/09/2020
4	Lê Hùng Lam	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 15/12/2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
5	Trương Văn Nghĩa	Quyền Tổng giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 15/12/2020
6	Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 15/12/2020
7	Phạm Huy Hậu	Phó Tổng giám đốc tài chính	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/01/2021
		Kế toán trưởng	Bổ nhiệm kể từ ngày 01/01/2021
8	Nguyễn Thị Thúy Vân	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm kể từ ngày 01/01/2021
		Phó Tổng giám đốc tài chính	Bổ nhiệm kể từ ngày 01/01/2021

Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2020

Chỉ tiêu	Năm 2020	
	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	253	100
Cao học	4	1,58
Đại học	57	22,53
CĐ & TC	26	10,28
CN Kỹ thuật	40	15,81
Lao động phổ thông	126	49,80
Theo hợp đồng	253	100
HĐLĐ không xác định thời hạn	159	62,85
HĐLĐ có thời hạn	89	35,18
HĐLĐ thời vụ	5	1,98

Những thay đổi trong các chính sách quản lý nhân sự*Chính sách tuyển dụng và đào tạo:*

Đánh giá nguồn nhân lực và bố trí sắp xếp lại theo yêu cầu công việc, thực hiện tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định đảm bảo chất lượng đầu vào và có chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm.

Cử cán bộ công nhân viên tham gia đào tạo chuyên môn nhằm giúp phát huy năng lực cá nhân và đáp ứng yêu cầu công việc. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc của Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ phù hợp quy định của Bộ luật Lao động, Luật BHXH và các quy định pháp luật hiện hành.

Chính sách lương thưởng - phúc lợi:

Cải thiện chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí công việc nhằm ghi nhận năng lực và kết quả công việc của người lao động, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những nhân viên có năng lực quản lý, điều hành góp phần mang lại lợi ích cho Công ty.

Chính sách chăm lo đời sống cho nhân viên cũng được Công ty chú trọng phát huy như: Lương tháng 13; tổ chức các chương trình thường niên dành cho nhân viên nữ; quà cho con em cán bộ công nhân viên nhân ngày 1/6... Ngoài ra, do tính chất đặc thù của ngành nghề kinh doanh, Công ty có các khoản phụ cấp phù hợp cho nhân viên công tác tại các công trình như: phụ cấp đi lại, phụ cấp công tác, phụ cấp đặc biệt cho các công trình xa, phụ cấp bằng hiện vật.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn...theo quy định hiện hành của pháp luật. Hàng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ nhân viên Công ty. Phối hợp với tổ chức đoàn thể thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, hiếu, hỷ, thai sản...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết

Đvt: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CÔNG TY CON		CÔNG TY LIÊN KẾT	
			BMJ	ABG	HJC	BHCC
1	Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	161.215	22.828	481.180	19.540
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	97.271	11.995	239.335	1.392
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	24.862	1.177	2.790	(3.175)
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	275	7	7.566	(219)
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	25.137	1.171	10.356	(3.394)
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	21.612	1.171	8.692	(3.394)

4. Tình hình tài chính**Tình hình tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC**

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	414.374.245.870	735.857.043.785
2	Doanh thu thuần	402.152.760.827	402.286.665.568
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.444.829.946	52.195.194.007
4	Lợi nhuận khác	3.512.851.264	1.139.005.083
5	Lợi nhuận trước thuế	46.957.681.210	53.334.199.090
6	Lợi nhuận sau thuế	38.960.855.439	43.508.075.627

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Tình hình tài chính hợp nhất

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	497.020.015.810	913.004.267.902
2	Doanh thu thuần	473.638.332.071	484.860.108.810
3	LN từ hoạt động kinh doanh	52.372.586.214	77.417.105.261
4	LN khác	4.902.156.598	1.384.758.135
5	LN trước thuế	57.274.742.812	78.801.863.396
6	LN sau thuế	45.862.526.564	65.030.620.646

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,58	1,98
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,18	0,96
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,49	0,44
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,99	0,78
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	0,77	1,46

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,97	0,66
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	10%	11%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	19%	13%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	9%	7,2%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	11%	13%

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,89	2,13
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,5	1,16
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,5	0,4
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1	0,8
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,84	1,6
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,95	0,7
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	10%	13,4%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	18%	17,2%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	9%	9,2%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	11%	16%

5. Cơ cấu cổ đông

Cổ phần

Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
Mã CK	ACC	
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần	
Thị trường niêm yết	Sở giao dịch chứng khoán HCM	
Tổng số cổ phần đang lưu hành	30.000.000	100%
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Tất cả số cổ phần đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: **28.704.239** cổ phần.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: **1.295.761** cổ phần.

Ngày 21/12/2020, Công ty kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên thành 300.000.000.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông: (Theo Danh sách cổ đông ACC chốt ngày 19/02/2021)

	Số lượng	Số CP SH	Tỷ lệ
Cá nhân trong nước	862	18.850.135	62,84
+ Chưa lưu ký	41	1.327.761	4,43
+ Đã lưu ký	821	17.522.374	58,41
Tổ chức trong nước	13	7.470.628	24,90
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	13	7.470.628	24,90
CỘNG TRONG NƯỚC	875	26.320.763	87,74
+ Chưa lưu ký	41	1.327.761	4,43
+ Đã lưu ký	834	24.993.002	83,31
Cá nhân nước ngoài	31	574.440	1,91
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	31	574.440	1,91
Tổ chức nước ngoài	12	3.104.797	10,35
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	12	3.104.797	10,35
CỘNG NƯỚC NGOÀI	43	3.679.237	12,26
+ Chưa lưu ký	0	0	0
+ Đã lưu ký	43	3.679.237	12,26
TỔNG CỘNG	918	30.000.000	100

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (Tên cũ: Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) thành lập với số vốn góp ban đầu là 60.000.000.000 đồng. Cùng với sự phát triển của Công ty, vốn điều lệ lần lượt thay đổi như sau:

Thời điểm	Giá trị thay đổi	Vốn điều lệ sau khi thay đổi (đồng)	Phương thức thay đổi
Năm 2008	60.000.000.000		Thành lập
Năm 2010	40.000.000.000	100.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và cho người lao động theo chương trình ESOP
Năm 2020	200.000.000.000	300.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có giao dịch

Các chứng khoán khác

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng lớn từ thiên tai và biến đổi khí hậu, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, Công ty phải luôn hướng đến trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, thực hiện sản xuất, thi công đúng quy trình để đưa ra các sản phẩm đảm bảo tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đây cũng là một trong những định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tất cả các dự án mà Công ty thực hiện luôn cố gắng giảm thiểu tối đa các tác động ảnh hưởng đến môi trường do hoạt động sản xuất, thi công của Công ty đem lại.

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm**

Trong năm 2020, Công ty đã nhập khối lượng lớn các nguồn nguyên vật liệu khác nhau phục vụ sản xuất các sản phẩm và thi công chính của Công ty như: nhựa đường, bê tông, thép,

cát, đá, xi măng, xăng, dầu các loại..., các loại vật liệu xây dựng, thiết bị điện nước để phục vụ cho thi công.

Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường và ngược lại tác động của môi trường cũng tạo nên những thuận lợi hay khó khăn nhất định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được rõ những tác động mà hoạt động sản xuất kinh doanh gây ra cho môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm quản lý và sử dụng tốt nhất nguồn nguyên vật liệu để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

6.2 Tiêu thụ năng lượng điện

Điện (KWh)		Tỷ lệ 2020/2019
2019	2020	
775.420	977.700	126%

Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ năng lượng, Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm hiểu, áp dụng các phương án sử dụng năng lượng hiệu quả nhất để tiết kiệm năng suất tiêu thụ điện nhằm đảm bảo được an ninh năng lượng Nhà nước, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp như: tắt tất cả các thiết bị điện văn phòng, nhà máy khi không có nhu cầu sử dụng nhằm giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng, sử dụng các thiết bị điện như đèn chiếu sáng, máy lạnh....dòng tiết kiệm điện.

6.3 Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn nước tại Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp – Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương, trung bình 1.527 m³/tháng.

Chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn nước

Tại các công trình thi công, Công ty luôn triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm nhất, triển khai áp dụng các biện pháp tái sử dụng nước nếu có thể.

Đội bảo trì thường xuyên kiểm tra và khắc phục đường ống dẫn nước khi có sự cố để tránh rò rỉ, thất thoát nguồn tài nguyên nước.

Tận dụng nguồn nước từ sông Thị Tính để bảo dưỡng cống bê tông cốt thép, tưới cây xanh, chống bụi khu vực xung quanh trạm sản xuất và nhà máy.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định liên quan đến tác động môi trường, là một trong những yếu tố cấu thành hành động và trách nhiệm với môi trường và xã hội. Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty luôn xem xét các tiêu chí Xanh là một trong những yêu cầu đối với công tác thiết kế và thi công trên công trường đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực thi công và các vùng lân cận, nhờ đó làm tăng giá trị doanh nghiệp đối với khách hàng và góp phần bảo vệ môi trường một cách thiết thực hơn.

Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo vệ sinh an toàn trong các nhà máy sản xuất, kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo đúng quy định.

Bình Dương ACC cam kết toàn thể nhân viên Công ty nhận thức và hành động hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường.

Số lần vi phạm và tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm 2020 và các năm trước đó, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về môi trường vì vậy Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật về môi trường.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020 là 253 người. Trong đó, tổng số lao động nữ là 30 người. Thu nhập bình quân 12.513.138 đồng/người/năm.

Trình độ chuyên môn chia ra như sau

Trình độ trên đại học: 4 người, chiếm 1,58% Tổng lao động.

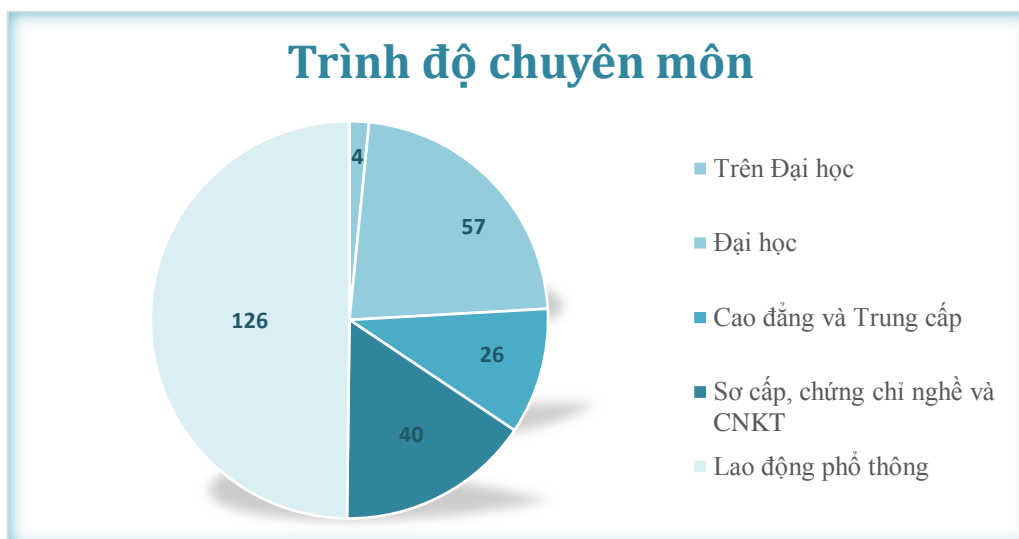
Trình độ Đại học: 57 người, chiếm 22,53% Tổng lao động.

Trình độ Cao đẳng và trung cấp: 26 người, chiếm 10,28% Tổng lao động.

Trình độ sơ cấp, chứng chỉ nghề và công nhân kỹ thuật: 40 người, chiếm 15,81% Tổng lao động.

Lao động phổ thông: 126 người, chiếm 49,80% Tổng lao động.

Công ty luôn hướng đến việc xây dựng môi trường lao động tốt, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật như: Chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm, phúc lợi phù hợp, đảm bảo mức thu nhập tương đối cho người lao động. Thu nhập bình quân trung bình năm 2020 là: 12.513.138 đồng/người tăng 49,5% so với năm 2019.



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Luôn chú trọng giải quyết đủ việc làm và thanh toán lương đầy đủ cho người lao động. Công tác khám sức khỏe được thực hiện định kỳ hàng năm. Bên cạnh đó còn có chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Nhân dịp Tết Nguyên Đán hằng năm, Công đoàn Công ty tổ chức tặng cho toàn thể nhân viên những phần quà nhằm chăm lo đầy đủ phúc lợi cho người lao động.

Hoạt động đào tạo người lao động

Tập trung công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung đội ngũ CBCNV đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng năm tất cả nhân viên được tham dự khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động do Công ty kết hợp với Sở LĐTB&XH tỉnh Bình Dương tổ chức và tập huấn PCCC có sự hướng dẫn của Công An PCCC tỉnh Bình Dương.

Xem xét cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các chính sách tại địa phương hoạt động với mong muốn góp một phần vào sự phát triển chung của xã hội. Cam kết với định hướng phát triển bền vững bằng tất cả trách nhiệm và đạo đức kinh doanh của một doanh nghiệp, đề cao giá trị doanh nghiệp trong mối quan hệ với sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Xác định năng lực, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp để xác định và lựa chọn sản phẩm mục tiêu để phát triển.

Tìm kiếm, xây dựng các mối liên kết và phát triển mạng lưới cung ứng.

Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

Bảo vệ môi trường là hành động mang tính cấp thiết nhằm xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Xác định đây là tiêu chí quan trọng trong phương hướng và chiến lược xây dựng xã hội văn minh, cuộc sống xanh.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể nhân viên đã đem lại kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	595.107.167.915	408.276.067.734	68,6%
	<i>Sản xuất, kinh doanh & thi công BTNN</i>	175.228.317.096	165.419.991.319	94%
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	305.079.053.240	125.098.582.618	41%
	<i>Cống BTCT, cầu kiện BTĐS</i>	100.067.997.578	102.056.536.782	102%
	<i>Doanh thu cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	10.000.000.000	9.711.554.849	97%
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	4.731.800.000	4.842.665.443	102%
	<i>Thu nhập khác</i>	-	1.146.736.723	
2	Tổng chi phí	536.104.443.442	354.941.868.644	66,2%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	59.002.724.472	53.334.199.090	90,4%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	48.048.539.578	43.508.075.627	90,5%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Trong năm 2020, Công ty thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh hoạt động bán hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, kết hợp công tác quản lý chi phí.

Với bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 thì mặc dù các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2020 không đạt kế hoạch đã đề ra, tuy nhiên, kết quả lợi nhuận đạt ở mức 91% kế hoạch năm 2020 và tăng 11,7% so với kết quả năm 2019 thì đây là một kết quả rất đáng khích lệ.

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Biến động	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
A. Tài sản ngắn hạn	308.218.405.432	100	671.148.007.542	100	362.929.602.110	54,1
<i>1. Tiền</i>	<i>73.812.142.265</i>	<i>24</i>	<i>135.477.934.652</i>	<i>44</i>	<i>61.665.792.387</i>	<i>45,5</i>
<i>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>155.849.610.661</i>	<i>51</i>	<i>189.398.723.318</i>	<i>61</i>	<i>33.549.112.657</i>	<i>17,7</i>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Biến động	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	155.122.159.261	50	142.437.084.358	46	(12.685.074.903)	-8,9
Trả trước cho người bán	975.385.868	0,3	45.003.903.501	15	44.028.517.633	97,8
Phải thu ngắn hạn khác	349.180.006	0,1	2.557.160.299	1	2.207.980.293	86,3%
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(597.114.474)	-0,2	(599.424.840)	0	(2.310.366)	0,4%
3. Hàng tồn kho	77.482.010.940	25	345.454.991.018	112	267.972.980.078	77,6%
4. Tài sản ngắn hạn khác	1.074.641.566	0,3	816.358.554	0	(258.283.012)	-31,6%
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.074.641.566	0,3	816.358.554	0	(258.283.012)	-31,6%
Thuế GTGT được khấu trừ	-	0,0	-	0	-	
B. Tài sản dài hạn	106.155.840.438	100	125.509.887.443	100	19.354.047.005	15,4%
1. Tài sản cố định	19.840.623.375	18,7	19.804.453.431	16	(36.169.944)	-0,2%
TSCĐ hữu hình	10.843.912.684	10,2	11.153.172.152	11	309.259.468	2,8%
Nguyên giá	104.834.287.594		108.648.469.295		3.814.181.701	3,5%
Giá trị hao mòn lũy kế	(93.990.374.910)		(97.495.297.143)		(3.504.922.233)	3,6%
TSCĐ vô hình	8.996.710.691	8,5	8.651.281.279	8%	(345.429.412)	-4,0%
Nguyên giá	13.443.567.330		13.478.567.330		35.000.000	0,3%
Giá trị hao mòn lũy kế	(4.446.856.639)		(4.827.286.051)		(380.429.412)	7,9%
2. Đầu tư tài chính dài hạn	85.700.664.493	80,7%	86.403.186.849	69%	702.522.356	0,8%
Đầu tư vào công ty con	60.800.851.200	70,9%	60.800.851.200	71%	-	0,0%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.547.500.000	31,0%	26.547.500.000	31%	-	0,0%
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.827.686.707)	-2,1%	(1.125.164.351)	-1%	702.522.356	-62,4%
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	180.000.000	0,2%	180.000.000	0%	-	0,0%
3. Tài sản dài hạn khác	614.552.570	0,6%	19.302.247.163	15%	18.687.694.593	96,8%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Biến động	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
Chi phí trả trước dài hạn	614.552.570	0,6%	19.302.247.163	15%	18.687.694.593	96,8%
TỔNG TÀI SẢN	414.374.245.870		796.657.894.985		382.283.649.115	
C. Nợ phải trả	206.028.087.413	100%	349.990.246.031	100,0%	143.962.158.618	41,1%
1. Nợ ngắn hạn	195.663.807.051	95%	339.265.674.925	165%	143.601.867.874	42,3%
Phải trả người bán ngắn hạn	90.339.284.016	46%	70.405.952.215	36%	(19.933.331.801)	-28,3%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	865.622.837	0%	170.066.218	0%	(695.556.619)	-409,0%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.916.163.635	4%	4.761.510.937	2%	(2.154.652.698)	-45,3%
Phải trả người lao động	4.327.769.588	2%	7.313.640.622	4%	2.985.871.034	40,8%
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.677.166.134	1%	8.865.225.961	5%	6.188.059.827	69,8%
Phải trả ngắn hạn khác	1.414.197.126	1%	1.634.107.342	1%	219.910.216	13,5%
Vay ngắn hạn	85.807.837.103	44%	244.809.189.776	125%	159.001.352.673	64,9%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	53.449.316	0%	1.042.760.347	1%	989.311.031	94,9%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.262.317.296	2%	263.221.507	0%	(2.999.095.789)	-1139,4%
2. Nợ dài hạn	10.364.280.362	5%	10.724.571.106	3%	360.290.744	3,4%
Dự phòng phải trả dài hạn	10.364.280.362	5%	10.724.571.106	3%	360.290.744	3,4%
D. Vốn chủ sở hữu	208.346.158.457	100%	446.667.648.954	100%	238.321.490.497	53,4%
Vốn góp chủ sở hữu	100.000.000.000	48%	300.000.000.000	144%	200.000.000.000	66,7%
Thặng dư vốn cổ phần	1.527.143.181	1%	1.344.945.181	1%	(182.198.000)	-13,5%
Vốn khác chủ sở hữu	9.055.511.950	4%	9.055.511.950	4%	-	0,0%
Quỹ đầu tư phát triển	56.123.821.471	27%	56.123.821.471	27%	-	0,0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	41.639.681.855	20%	80.143.370.352	38%	38.503.688.497	48,0%
<i>Lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>8.713.371.879</i>	<i>4%</i>	<i>36.635.294.725</i>	<i>18%</i>	<i>27.921.922.846</i>	<i>76,2%</i>
<i>Kỳ này</i>	<i>32.926.309.976</i>	<i>16%</i>	<i>43.508.075.627</i>	<i>21%</i>	<i>10.581.765.651</i>	<i>24,3%</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	414.374.245.870		796.657.894.985		382.283.649.115	

Căn cứ vào bảng cân đối kế toán kết thúc ngày 31/12/2020: quy mô về vốn và tài sản của Công ty năm 2020 so với năm 2019 tăng 92% (tăng **382.283.649.115** đồng).

Trong cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao (84%) so với tài sản dài hạn (16%), Tài sản ngắn hạn tăng **362.929.602.110** đồng so với năm 2019. Trong năm 2020 tỷ trọng tài sản ngắn hạn cao gấp năm lần tài sản dài hạn, điều này cho thấy Công ty đang phát triển tốt và ổn định.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Quản trị công ty theo tình hình thực tế từng thời điểm, nắm bắt kịp thời nhu cầu thị trường đề xuất HĐQT xem xét công tác đầu tư mang lại hiệu quả cao nhất.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo uy tín với khách hàng.

Thắt chặt công tác quản lý chi phí nhằm hạn chế tối đa việc lãng phí. Chú trọng công tác bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật.

Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động hiện có, xây dựng và điều chỉnh các chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút và duy trì được đội ngũ lao động chất lượng thông qua các chính sách lương thưởng theo kết quả làm việc, đảm bảo quyền và nghĩa vụ đối với người lao động theo luật lao động và có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

Ban điều hành xây dựng các chính sách tiền lương, thưởng các chế độ phúc lợi cho người lao động, các cá nhân hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc được đề xuất tăng lương trước thời hạn.... để người lao động yên tâm công tác và cống hiến hết sức mình vào sự nghiệp phát triển chung của Công ty.

Nghiêm túc thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với môi trường và cộng đồng.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự đoán tình hình thuận lợi và khó khăn trong năm 2021 cùng với tình hình thực tế tại Công ty trong thời gian qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và đề ra phương hướng thực hiện cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	408.276.067.734	670.920.966.193
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	53.334.199.090	86.389.686.776
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	43.508.075.627	69.559.709.421
4	Cổ tức chi trả bằng tiền	5%	≥15%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán và kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2020	Kế hoạch hợp nhất năm 2021
1	Tổng doanh thu	489.354.243.168	686.460.166.193
1.1	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>484.860.108.810</i>	<i>665.600.366.193</i>
1.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>	<i>2.835.628.784</i>	<i>2.359.800.000</i>
1.3	<i>Thu nhập khác</i>	<i>1.658.505.574</i>	<i>18.500.000.000</i>
2	Tổng chi phí	410.552.379.772	600.011.335.175
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	78.801.863.396	86.448.831.018
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	65.030.620.646	69.607.024.814

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đề ra như trên, trong năm 2021 Ban Tổng giám đốc sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh truyền thống; tăng cường tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu.

Chú trọng công tác hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ các định mức, nhân công, ca máy... để đảm bảo và quản lý tốt hoạt động sản xuất, thi công.

Nắm bắt cơ hội phát triển các ngành nghề kinh doanh khác bên cạnh các ngành nghề truyền thống; nắm bắt thông tin thị trường và đánh giá đúng tình hình thực tiễn của Công ty để đưa ra các biện pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Phát huy lợi thế từ nguồn nhân lực nhiều kinh nghiệm, không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ điều hành, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động. Đưa ra những chính sách khen thưởng, chế độ phúc lợi thích hợp để kịp thời khuyến khích người lao động có thành tích tốt trong công việc gắn bó đồng hành cùng Công ty.

Chú trọng công tác an toàn lao động, giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình từ sản xuất đến thi công, từ nhà máy đến công trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

HDQT thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ về các số liệu: sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu về tình hình tài sản...

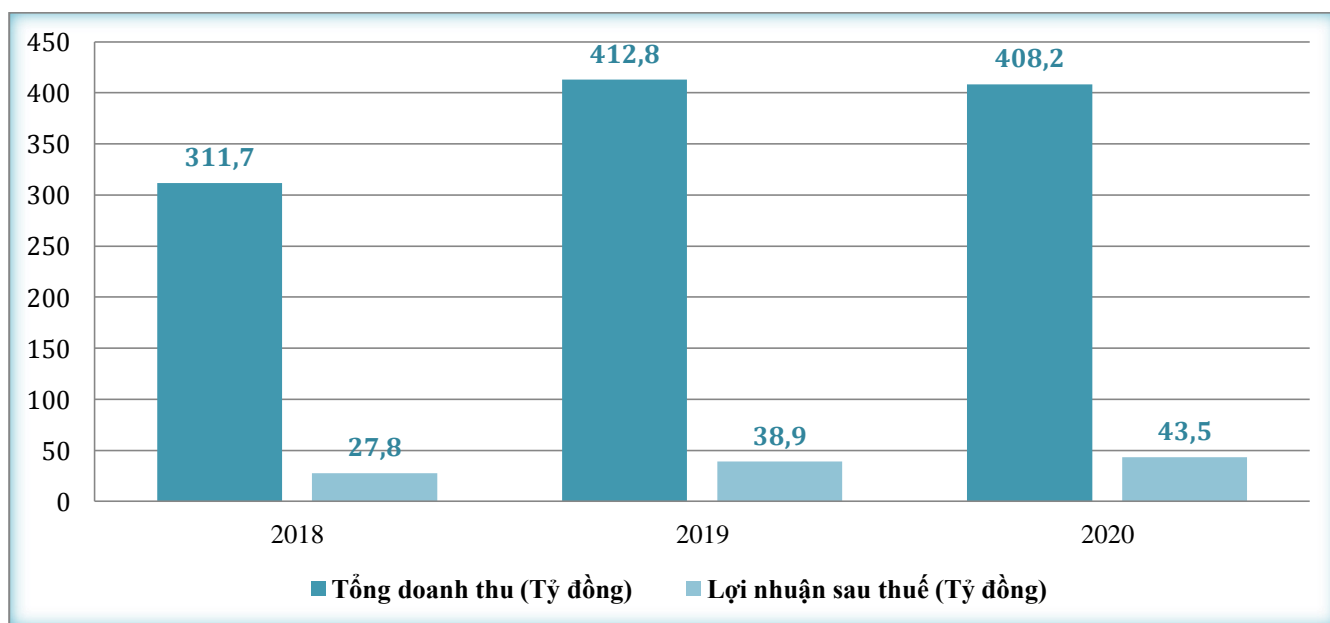
Trong năm 2020, HDQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Được sự chỉ đạo sâu sát của HDQT, với quyết tâm, nỗ lực đồng lòng của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo đã đem lại kết quả kinh doanh như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	595.107.167.915	408.276.067.734	68,6%
2	Lợi nhuận trước thuế	59.002.724.472	53.334.199.090	90,4%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	48.048.539.578	43.508.075.627	90,5%



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác về những mặt hoạt động sau:

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính.

Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo thông tin được công bố chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định pháp luật.

Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, đầu tư và sử dụng nguồn vốn, tình hình công nợ, đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai hiệu quả những chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Phát huy những kết quả đạt được của năm 2020, dự báo những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty mẹ ACC:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	408.276.067.734	670.920.966.193
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	53.334.199.090	86.389.686.776
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	43.508.075.627	69.559.709.421
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền	5%	≥15%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán và kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 hợp nhất:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	489.354.243.168	686.460.166.193
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	78.801.863.396	86.448.831.018
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	65.030.620.646	69.607.024.814
3.1	Lợi ích cổ đông công ty mẹ	59.315.566.214	69.588.098.657
3.2	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	5.715.054.432	18.926.157

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán và kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Để đạt được mục tiêu kế hoạch nêu trên, trong năm 2021 Hội đồng quản trị đưa ra các giải pháp trọng tâm như sau:

- Tiếp tục mở rộng thị trường kinh doanh, phát huy thế mạnh những lĩnh vực kinh doanh truyền thống, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

- Tăng cường mở rộng sản xuất tại địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận, Công ty sẽ tập trung đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng để sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng áp dụng công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng truyền thống của Công ty trong các năm tiếp theo.

- Tham gia lĩnh vực Bất động sản với vai trò Chủ đầu tư các Dự án. Trước mắt, phát triển các Dự án Bất động sản tại tỉnh Bình Dương và sẽ tiếp tục phát triển các Dự án tại các tỉnh, thành khác tại khu vực Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Đề xuất tham gia hợp tác phát triển Bất động sản Công nghiệp với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp) tại Bình Dương và các tỉnh, thành khác trên phạm vi cả nước.

- Sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả nguồn vốn thu được từ việc chào bán cổ phần.

- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, chú trọng hoạt động quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo Công ty phát triển bền vững.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao năng lực tài chính: khai thác hiệu quả các nguồn vốn và quỹ hiện có, đa dạng các hình thức huy động vốn...

QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị**Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

HĐQT được bầu bởi ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT (2018-2023) với số lượng 5 thành viên, trong đó cơ cấu: 1 Chủ tịch, 4 thành viên.

Thành viên	Chức danh	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng (Theo danh sách chốt ngày 19/02/2021)	Ghi chú
Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân	0	
		Đại diện sở hữu	7.470.000 CP (24,9%)	
Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân	0 CP	
Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	195.941 CP (0,65%)	Miễn nhiệm kể từ ngày 28/6/2020
Hoàng Xuân Quang	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	7.240.000 CP (24,13%)	Miễn nhiệm kể từ ngày 28/6/2020
Nguyễn Đình Trường	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Miễn nhiệm kể từ ngày 28/6/2020
Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020
Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020
Nguyễn Bảo Long	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị tiếp tục tổ chức và triển khai các hoạt động được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Triệu tập và chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Triển khai và hoàn thành việc chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, đã sửa đổi vốn điều lệ tại bản Điều lệ Công ty thành 300 tỷ đồng theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính theo quy định.
- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng công tác quản trị từ các khâu: quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị rủi ro...
- Theo dõi sâu sát việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, từ đó có những chỉ đạo và phê chuẩn kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả.
- Hội đồng quản trị phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đặc biệt là việc kiểm tra công tác tài chính. Hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 29 cuộc họp, ban hành 29 Nghị quyết thông qua các chủ trương, vấn đề quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	13/02/2020	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.
2	02/2020/NQ-HĐQT	19/02/2020	Thông qua việc nâng hạn mức vay vốn và bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Bình Dương.
3	03/2020/NQ-HĐQT	28/02/2020	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
4	04/2020/NQ-HĐQT	13/3/2020	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.
5	05/2020/NQ-HĐQT	24/3/2020	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
6	06/2020/NQ-HĐQT	30/3/2020	Thông qua việc xem xét, quyết định xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
7	07/2020/NQ-HĐQT	06/4/2020	Thông qua việc ký hợp đồng cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Bình Dương.
8	08/2020/NQ-HĐQT	27/4/2020	Thông qua việc nâng hạn mức vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai.
9	09/2020/NQ-HĐQT	02/5/2020	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (sau khi được cơ quan có thẩm quyền gia hạn).
10	10/2020/NQ-HĐQT	04/5/2020	Thông qua việc thông qua chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC với các bên liên quan trong năm 2020.
11	11/2020/NQ-HĐQT	03/6/2020	Thông qua việc ký hợp đồng cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Bình Dương.
12	12/2020/NQ-HĐQT	16/6/2020	Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
13	13/2020/NQ-HĐQT	25/6/2020	Thông qua dự thảo chương trình, nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
14	14/2020/NQ-HĐQT	10/7/2020	Chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
15	15/2020/NQ-HĐQT	20/7/2020	Thông qua việc nâng hạn mức vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tây Hồ
16	16/2020/NQ-HĐQT	18/8/2020	Thông qua việc tạm khóa tài khoản thanh toán để nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
17	17/2020/NQ-HĐQT	27/8/2020	Thông qua việc triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và hồ sơ đăng ký chào bán; phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
18	17-1/2020/NQ-HĐQT	31/8/2020	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
19	18/2020/NQ-HĐQT	07/9/2020	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc.
20	19/2020/NQ-HĐQT	25/9/2020	Thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
21	20/2020/NQ-HĐQT	04/11/2020	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
22	21/2020/NQ-HĐQT	16/11/2020	Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền.
23	22/2020/NQ-HĐQT	07/12/2020	Thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc xem xét và giao kết giao dịch với một số đối tượng.
24	23/2020/NQ-HĐQT	14/12/2020	Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm một số vị trí nhân sự chủ chốt của Công ty.
25	24/2020/NQ-HĐQT	17/12/2020	Thông qua việc phân phối cổ phiếu không chào bán hết trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu.
26	25/2020/NQ-HĐQT	19/12/2020	Thông qua việc ủy quyền đàm phán, giao kết một số hợp đồng liên quan đến quyền sử dụng đất tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
27	26/2020/NQ-HĐQT	21/12/2020	Thông qua báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và sửa đổi Điều lệ Công ty.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
28	27/2020/NQ-HĐQT	31/12/2020	Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc tài chính, Kế toán trưởng.
29	28/2020/NQ-HĐQT	31/12/2020	Thông qua việc cử - hủy người đại diện trong quan hệ cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Bình Dương.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện tại Thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Công ty vẫn đang theo dõi thời gian tổ chức các khóa đào tạo để đăng ký tham gia và sẽ sớm bổ sung các chứng chỉ cần thiết để báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Hoàng Văn Anh	Trưởng BKS	0	0	
Trần Thanh Tùng	Thành viên BKS	0	0	Miễn nhiệm kể từ ngày 28/6/2020
Lê Thị Tươi	Thành viên BKS	0	0	
Nguyễn Thanh Hữu	Thành viên BKS	0	0	Được bầu kể từ ngày 28/6/2020

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - năm 2021, BKS đã tổ chức 3 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020.

Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2020 BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập Báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát việc thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh; thẩm định các Báo cáo tài chính và thống nhất kết quả kinh doanh năm 2020 với một số chỉ tiêu chính như sau:

Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	595.107.167.915	408.276.067.734	68,6%
2	Tổng chi phí	536.104.443.443	354.941.868.644	66,2%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	59.002.724.472	53.334.199.090	90,4%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	48.048.539.578	43.508.075.627	90,5%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Những kết quả trên đã khẳng định tính đúng đắn, kịp thời của các giải pháp đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện, đồng thời thể hiện sự đồng lòng, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2020 được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. BKS thống nhất với nội dung của các Báo cáo tài chính trong năm 2020 của Công ty.

Tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị tổ chức 29 phiên họp với số lượng thành viên tham dự đầy đủ. Các phiên họp được tổ chức đúng trình tự, tuân thủ quy định.

- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò, quyền hạn của mình trong việc hoạch định các chiến lược phát triển Công ty, các Nghị quyết được ban hành đúng thẩm quyền, dựa trên các căn cứ pháp lý phù hợp, kịp thời đáp ứng được yêu cầu thực tiễn kinh doanh và nhu cầu quản trị.

- Hội đồng quản trị đã triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đúng theo phương án phát hành và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 đúng thủ tục và thời gian quy định; chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, công tác nghiệm thu, thu hồi công nợ...

Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác

Trong năm 2020, Tổng giám đốc và người điều hành khác đã rất nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc đã trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế đúng tỷ lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, kịp thời các công việc được Hội đồng quản trị giao và ủy quyền.

- Ban điều hành rất nỗ lực trong việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường cung cấp, giữ vững lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, phát triển lĩnh vực xây dựng dân dụng.

- Các người điều hành khác tăng cường công tác quản lý điều hành sát sao, quyết liệt và linh hoạt xuống mỗi phòng ban, bộ phận; đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các phòng ban để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thuận lợi, thông suốt.

- BKS đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành trong việc kiểm soát giá thành, cạnh tranh giá bán với các đơn vị cùng ngành thông qua việc tăng cường kiểm soát chặt chẽ các định mức, chi phí.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông

BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được ĐHCĐ giao phó.

Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2020, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên	Thù lao HDQT, BKS năm 2019	Lương bình quân tháng trong năm 2020	Thưởng bình quân tháng trong năm 2020	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
Phạm Xuân Phương	101.000.000	560.000.000	61.000.000	
Đỗ Mạnh Cường	93.500.000			
Nguyễn Hải Đăng	93.500.000			Miễn nhiệm ngày 28/6/2020
Hoàng Xuân Quang	62.000.000	245.000.000	53.500.000	Miễn nhiệm ngày 28/6/2020
Nguyễn Đình Trường	101.000.000			Miễn nhiệm ngày 28/6/2020
Nguyễn Quốc Thanh		61.410.000	37.564.500	Bầu ngày 28/6/2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thành viên	Thù lao HDQT, BKS năm 2019	Lương bình quân tháng trong năm 2020	Thưởng bình quân tháng trong năm 2020	Ghi chú
Ngô Anh Quân				Bầu ngày 28/6/2020
Nguyễn Bảo Long				Bầu ngày 28/6/2020
Ban kiểm soát				
Hoàng Văn Anh	55.089.216			
Trần Thanh Tùng	36.726.144			Miễn nhiệm ngày 28/6/2020
Lê Thị Tươi	36.726.144			
Nguyễn Thanh Hữu				Bầu ngày 28/6/2020
Ban Tổng Giám đốc				
Trương Văn Nghĩa				Bổ nhiệm 15/12/2020
Nguyễn Hồng Tuyên		312.554.067	49.255.682	Miễn nhiệm 07/9/2020
Võ Thành Tài		393.866.970	1.000.000	Miễn nhiệm 15/12/2020
Nguyễn Quốc Thanh		61.410.000	37.564.500	Miễn nhiệm 13/02/2020
Phạm Huy Hậu		408.628.600	38.564.500	Miễn nhiệm 01/01/2021
Nguyễn Xuân Cường		415.223.945	37.572.318	Miễn nhiệm 15/12/2020
Phạm Hữu Nguyên		344.311.052	1.000.000	Bổ nhiệm 13/3/2020
Lê Hùng Lam		30.857.778	24.058.264	Bổ nhiệm 15/12/2020

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Công ty con	3700927878 03/6/2008 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương	02/01/2020	Mua bán đá xây dựng các loại, số lượng và giá trị theo từng đơn đặt hàng
					02/3/2020	Mua bán đá xây dựng các loại, giá trị 8.593.088.747 đồng
					10/8/2020	Vay nhiên liệu, số lượng theo nhu cầu và xác nhận của hai bên
					05/12/2020	Thỏa thuận hợp tác hình thành nhà thầu liên danh
					29/12/2020	Thỏa thuận chấm dứt thỏa thuận hợp tác ngày 05/12/2020.
2	Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con	3701799724 27/7/2020 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 350, Tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương	27/7/2020	Mua bán đá granite, giá trị 1.181.081.440 đồng
					07/10/2020	Mua bán đá granite, giá trị 39.075.960 đồng
					01/10/2020	Mua bán đá granite, số lượng và giá trị theo từng đơn đặt hàng phục vụ cho công trình Khu nhà phố thương mại tại Thới Hòa
					01/10/2020	Mua bán đá granite, số lượng và giá trị theo từng đơn đặt hàng phục vụ cho công trình Khu nhà ở công nhân - Khu đô thị Thới Hòa
05/12/2020	Hợp đồng vay, giá trị 4 tỷ đồng.					

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
3	Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Đầu Tư Bình Dương	Cổ đông lớn; Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	3700504583 03/6/2003 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 265, Tờ bản đồ 41, Khu phố 3A, phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Bình Dương	28/02/2020	Thuê xe thi công - giá trị theo khối lượng công việc thực hiện trên thực tế
					07/01/2020	Thi công xây dựng 42 căn nhà phố thương mại thuộc công trình Khu nhà phố thương mại, giá trị 113.150.646.000 đồng
					31/03/2020	Thi công hệ thống thoát nước ngoài nhà dẫy C20 (Block 21-23) cho công trình: Nhà ở công nhân - Khu đô thị Thới Hòa; giá trị 63.964.512 đồng.
					31/03/2020	Thi công hệ thống thoát nước ngoài nhà dẫy C20 (Block 37-46) cho công trình: Nhà ở công nhân - Khu đô thị Thới Hòa; giá trị 197.124.197 đồng.
					06/07/2020	Thi công xây dựng công trình: Khu Nhà Ở Công Nhân - Khu Đô Thị Thới Hòa dẫy C21 - Block 19-23 giá trị 5.861.345.364 đồng.
3	Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Và Đầu Tư Bình Dương	Cổ đông lớn; Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	3700504583 03/6/2003 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Thửa đất số 265, Tờ bản đồ 41, Khu phố 3A, phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Bình Dương	28/07/2020	Thi công xây dựng công trình: Khu Nhà Ở Công Nhân - Khu Đô Thị Thới Hòa dẫy C21 - Block 32-36 6.233.170.000
					28/10/2020	Thi công xây dựng công trình: Khu Nhà Ở Công Nhân - Khu Đô Thị Thới Hòa dẫy C20 - Block 24-28; giá trị 5.498.563.898 đồng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	
					28/10/2020	Thi công xây dựng công trình: Khu Nhà Ở Công Nhân- Khu Đô Thị Thới Hòa dãy C20 - Block 29-32; giá trị 4.822.327.347 đồng.	
					28/10/2020	Thi công xây dựng công trình: Khu Nhà Ở Công Nhân- Khu Đô Thị Thới Hòa dãy C20 – Block 33-36; giá trị 4.986.326.891 đồng.	
					18/3/2020	Thi công lát đá lối đi bộ công viên 1 - Gia hạn tiến độ thi công	
					31/03/2020	Thi công xây dựng công trình: Khu Nhà Ở Công nhân - Khu Đô Thị Thới Hòa dãy C20 - Block 21-23; gia hạn tiến độ thi công	
					03/02/2020	Thi công Tuyến mở rộng hàng rào công viên 1 cho công trình: Hàng rào và cổng chào nút giao N6 – N15; Gia hạn tiến độ thi công	
					22/12/2020	Thi công hệ thống thoát nước ngoài nhà dãy C21 (Block 19-23 và Block 32-36) cho công trình: Nhà ở công nhân - Khu đô thị Thới Hòa; giá trị 163.131.520 đồng	
					04/5/2020	Biên bản làm việc về việc hợp tác đầu tư dự án bất động sản	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	
					05/12/2020	Thỏa thuận chấm dứt biên bản làm việc ngày 04/5/2020	
4	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Hà Nội	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	0500581426 17/03/2008 Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp Hà Nội	Số 56 phố Lý Tự Trọng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội	10/8/2020	Thi công xây dựng 80 căn nhà phố thương mại cho công trình Khu nhà phố thương mại; Bổ sung tài khoản ngân hàng	
					10/9/2020	Thi công xây dựng 80 căn nhà phố thương mại thuộc công trình Khu nhà phố thương mại; giá trị 8.701.391.107 đồng	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 12 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TP.HCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân Chức vụ: Người được UQCBTT

Loại thông tin công bố: 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

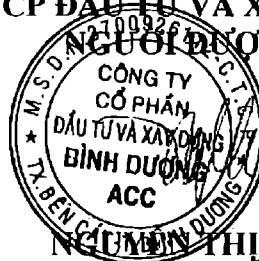
Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ ACC và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/03/2021 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

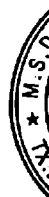
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH
DƯƠNG ACC**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6-7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	8 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 38
Phụ lục	39 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 09/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 07 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công, xây dựng các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình thủy lợi;
- Sản xuất công bê tông cốt thép các loại, sản xuất bê tông nhựa nóng các loại, sản xuất bê tông xi măng các loại, sản xuất cấu kiện đúc sẵn, sản xuất gạch không nung, sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo;
- Mua bán công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng, nhựa nóng các loại, cấu kiện đúc sẵn, các loại vật liệu xây dựng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm cơ khí;
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thi công, xây dựng các công trình giao thông;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe máy, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Gia công cơ khí (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nền móng, đóng cọc, ép cọc, thi công cấu kiện đúc sẵn, dịch vụ cầu lắp;
- Cắt và hoàn thiện đá xây dựng;
- Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);
- Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Mua bán mặt hàng trang trí nội thất;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đầu tư và kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Chế biến các loại khoáng sản phi kim loại như: đất, đất sét, cát, cao lanh, than bùn;
- Trồng cây đô thị;
- Phá dỡ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Xuân Phương	Chủ tịch HĐQT	Bầu ngày 03/04/2019
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 02/04/2019
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 28/06/2020
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 28/06/2020
Ông Nguyễn Bảo Long	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 28/06/2020
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 02/04/2019 Miễn nhiệm ngày 28/6/2020
Ông Hoàng Xuân Quang	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 30/8/2019 Miễn nhiệm ngày 28/6/2020
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên HĐQT	Bầu ngày 30/8/2019 Miễn nhiệm ngày 28/6/2020

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng ban kiểm soát	Bầu ngày 12/9/2019
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Thành viên Ban kiểm soát	Bầu ngày 28/06/2020
Bà Lê Thị Tươi	Thành viên Ban kiểm soát	Bầu ngày 30/08/2019
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Ban kiểm soát	Bầu ngày 02/04/2019 Miễn nhiệm ngày 28/06/2020

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tuyên	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 12/06/2015 Miễn nhiệm ngày 07/09/2020
Ông Trương Văn Nghĩa	Quyền Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15/12/2020
Ông Võ Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15/01/2021
Ông Nguyễn Bảo Long	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bỏ nhiệm ngày 01/02/2021
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 15/01/2021
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/02/2021
Ông Nguyễn Quốc Thanh	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 25/7/2019 Miễn nhiệm ngày 13/2/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Phạm Huy Hậu	Phó Tổng Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 14/05/2019 Miễn nhiệm ngày 01/01/2021
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/08/2014 Miễn nhiệm ngày 15/12/2020
Ông Lê Hùng Lam	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2020
Ông Nguyễn Hữu Nguyên	Phó Tổng Giám đốc kiêm T.Phòng Kỹ thuật Xây dựng	Bổ nhiệm ngày 13/03/2020 Miễn nhiệm ngày 15/12/2020

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch HĐQT.

Bà Nguyễn Thị Thúy Vân được Ông Phạm Xuân Phương ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 11/2020/UQ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Phụ lục số 11/2020/UQ-PL ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Thủy Vân

Phó Tổng Giám đốc tài chính

Bình Dương, ngày 04 tháng 03 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 058/2021/BCKT-PB.00313



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 42 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		671.148.007.542	308.218.405.432
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	135.477.934.652	73.812.142.265
1. Tiền	111		135.477.934.652	73.812.142.265
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.398.723.318	155.849.610.661
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	142.437.084.358	155.122.159.261
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	45.003.903.501	975.385.868
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.557.160.299	349.180.006
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(599.424.840)	(597.114.474)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	345.454.991.018	77.482.010.940
1. Hàng tồn kho	141		345.454.991.018	77.482.010.940
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		816.358.554	1.074.641.566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	816.358.554	1.074.641.566
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.509.887.443	106.155.840.438
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		19.804.453.431	19.840.623.375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	11.153.172.152	10.843.912.684
- Nguyên giá	222		108.648.469.295	104.834.287.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.495.297.143)	(93.990.374.910)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	8.651.281.279	8.996.710.691
- Nguyên giá	228		13.478.567.330	13.443.567.330
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.827.286.051)	(4.446.856.639)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	86.403.186.849	85.700.664.493
1. Đầu tư vào công ty con	251		60.800.851.200	60.800.851.200
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.547.500.000	26.547.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.125.164.351)	(1.827.686.707)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		180.000.000	180.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		19.302.247.163	614.552.570
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	19.302.247.163	614.552.570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		796.657.894.985	414.374.245.870

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		349.990.246.031	206.028.087.413
I/ Nợ ngắn hạn	310		339.265.674.925	195.663.807.051
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	70.405.952.215	90.339.284.016
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	170.066.218	865.622.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	4.761.510.937	6.916.163.635
4. Phải trả người lao động	314		7.313.640.622	4.327.769.588
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	8.865.225.961	2.677.166.134
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	1.634.107.342	1.414.197.126
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	244.809.189.776	85.807.837.103
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	1.042.760.347	53.449.316
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		263.221.507	3.262.317.296
II/ Nợ dài hạn	330		10.724.571.106	10.364.280.362
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.15	10.724.571.106	10.364.280.362
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		446.667.648.954	208.346.158.457
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	446.667.648.954	208.346.158.457
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.344.945.181	1.527.143.181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.123.821.471	56.123.821.471
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.143.370.352	41.639.681.855
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.635.294.725	8.713.371.879
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.508.075.627	32.926.309.976
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		796.657.894.985	414.374.245.870



Nguyễn Thị Thúy Vân
 Phó Tổng Giám đốc tài chính
 Bình Dương, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Phạm Huy Hậu
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	402.350.743.368	402.175.063.327
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	64.077.800	22.302.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		402.286.665.568	402.152.760.827
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	308.985.667.349	336.071.932.295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.300.998.219	66.080.828.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.842.665.443	7.203.678.915
7. Chi phí tài chính	22	6.5	12.467.440.111	1.936.206.796
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.169.962.467	2.137.872.293
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	13.319.991.275	11.191.092.533
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	20.161.038.269	16.712.378.172
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.195.194.007	43.444.829.946
11. Thu nhập khác	31	6.8	1.146.736.723	3.540.660.237
12. Chi phí khác	32		7.731.640	27.808.973
13. Lợi nhuận khác	40		1.139.005.083	3.512.851.264
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.334.199.090	46.957.681.210
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	9.826.123.463	7.996.825.771
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.508.075.627	38.960.855.439

(*) Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Thúy Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính

Bình Dương, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.334.199.090	46.957.681.210
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.885.351.645	4.169.970.315
- Các khoản dự phòng	03	649.389.785	1.412.035.483
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.842.665.443)	(9.380.546.296)
- Chi phí lãi vay	06	13.169.962.467	2.137.872.293
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	66.196.237.544	45.297.013.005
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(31.559.423.023)	(100.664.032.702)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(267.972.980.078)	64.016.662.532
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(14.415.183.403)	(611.548.821)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(18.429.411.581)	1.669.310.199
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.612.016.936)	(2.137.872.293)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(9.698.930.032)	(4.684.556.429)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.003.482.919)	(4.880.373.581)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(291.495.190.428)	(1.995.398.090)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.849.181.701)	(363.140.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.244.444.444
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(180.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.850.665.443	7.203.678.915
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(998.516.258)	8.904.983.359
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	200.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	428.870.574.212	142.580.661.335
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(269.869.221.539)	(67.013.472.454)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.841.853.600)	(18.006.540.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	354.159.499.073	57.560.648.881
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	61.665.792.387	64.470.234.150
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	73.812.142.265	9.341.908.115
Thay đổi của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	135.477.934.652	73.812.142.265



Nguyễn Thị Thủy Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính

Bình Dương, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng trực thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/06/2008, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 09/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác nhận, mã số doanh nghiệp 3700926112.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: ACC

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 07 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

1.6 Cấu trúc công ty

Công ty con Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	3700927878	60.000.000.000	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác đá vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	3701799724	22.500.000.000	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Mã doanh nghiệp	Vốn điều lệ (VND)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	3700696042	200.000.000.000	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, đường TC 3, tổ 6, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, Bình Dương	Bệnh viện, trạm xá
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	3700509408	7.800.000.000	Số 225, đường 30 Tháng 4, P. Phú Thọ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	Công trình kỹ thuật dân dụng

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

Quyền thuê đất

Quyền thuê đất là tiền Công ty trả một lần cho nhiều năm để ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền thuê đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất còn lại (42 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm được khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm	03 - 08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

Chi phí thiết kế sản phẩm

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao từ 02 – 08 năm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 02 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi phí sửa chữa

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác bao gồm: Chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công hợp... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên giá trị hợp đồng đối với các công trình xây dựng có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phản công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng hóa bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay;
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	190.955.186	452.666.484
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	135.286.979.466	73.359.475.781
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai	20.740.271.200	7.221.615.190
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	112.219.609.982	60.069.171.197
Các Ngân hàng khác	2.327.098.284	6.068.689.394
Cộng	<u>135.477.934.652</u>	<u>73.812.142.265</u>

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	39.980.684.609	-	31.401.608.261	-
Công ty CP Kinh Doanh và Đầu tư Bình Dương	39.980.684.609	-	31.401.608.261	-
<i>Các bên khác</i>	102.456.399.749	(599.424.840)	123.720.551.000	(597.114.474)
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	17.114.829.524	-	33.029.633.994	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	66.074.059.995	-	58.171.643.375	-
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	12.977.762.560	-	26.719.443.645	-
Các đối tượng khác	6.289.747.670	(599.424.840)	5.799.829.986	(597.114.474)
Cộng	<u>142.437.084.358</u>	<u>(599.424.840)</u>	<u>155.122.159.261</u>	<u>(597.114.474)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	45.003.903.501	-	975.385.868	-
Công ty CP KD BĐS và Xây dựng Nguyễn Việt (*)	38.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Cung Ứng Nhựa Đường	1.797.354.900	-	-	-
Các đối tượng khác	5.206.548.601	-	975.385.868	-
Cộng	45.003.903.501	-	975.385.868	-

(*) Hợp đồng số 01/2020/HĐKT-NV về việc cung cấp vật tư và thi công xây dựng công trình thuộc dự án khu dân cư Ấp 3 và Ấp 5C, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC làm Nhà thầu chính.

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên liên quan</i>	2.264.682.698	-	-	-
Phải thu tiền cổ tức Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	1.992.000.000	-	-	-
Công ty CP Khoán sản Miền đông AHP	272.682.698	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	292.477.601	-	349.180.006	-
Ký quỹ, ký cược	11.744.000	-	62.000.000	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	280.000.000	-	287.180.006	-
Phải thu khác	733.601	-	-	-
Cộng	2.557.160.299	-	349.180.006	-

5.5 Chi phí trả trước

5.5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	701.899.239	898.855.124
Các khoản khác	114.459.315	175.786.442
Cộng	816.358.554	1.074.641.566

5.5.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí phân bổ tiền thuê đất	18.932.070.459	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	370.176.704	304.281.274
Chi phí bản quyền phần mềm	-	36.672.625
Chi phí sửa chữa	-	273.598.671
Cộng	19.302.247.163	614.552.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.6 Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	100.283.494	(100.283.494)	110.283.494	(110.283.494)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	(189.298.335)	189.298.335	(189.298.335)
Công ty TNHH Thương mại-Dịch vụ-Xây dựng Lộc Hoàng Gia	95.089.291	(95.089.291)	95.089.291	(95.089.291)
Công ty TNHH TV XD SX TM DV Nhật Minh Quang	9.885.840	(9.885.840)	9.885.840	(9.885.840)
Công ty TNHH XD-TM-DV XNK Tân Hưng Phát	173.194.526	(173.194.526)	173.194.526	(173.194.526)
DNTN Đại Tuấn Thành	19.362.988	(19.362.988)	19.362.988	(19.362.988)
Công ty TNHH MTV Tùng Ngọc Mai	24.620.731	(12.310.366)	24.620.731	-
Cộng	611.735.205	(599.424.840)	621.735.205	(597.114.474)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	597.114.474	599.029.426
Trích lập trong năm	12.310.366	-
Hoàn nhập trong năm	(10.000.000)	(1.914.952)
Số dư cuối kỳ	599.424.840	597.114.474

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	583.899.200	-	9.163.312.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.945.532.303	-	10.220.520.190	-
Công cụ, dụng cụ	70.223.774	-	90.121.723	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	329.425.956.264	-	50.116.152.133	-
Thành phẩm	7.380.621.255	-	7.860.596.068	-
Hàng hoá	37.646.268	-	31.308.826	-
Hàng gửi đi bán	11.111.954	-	-	-
Cộng	345.454.991.018	-	77.482.010.940	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang BĐS - Dự án nhà ở TM Định Hòa (*)	188.789.375.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thi công	140.636.581.264	50.116.152.133
Cộng	329.425.956.264	50.116.152.133

(*) Dự án xây dựng nhà ở Thương mại tại phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với mục đích bán.

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền thuê đất VND	Chương trình phần mềm VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	11.769.135.713	619.359.800	1.055.071.817	13.443.567.330
Mua trong năm	-	35.000.000	-	35.000.000
Số dư tại 31/12/2020	11.769.135.713	654.359.800	1.055.071.817	13.478.567.330
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại 01/01/2020	3.005.666.457	619.359.800	821.830.382	4.446.856.639
Khấu hao trong năm	246.858.288	2.101.254	131.469.870	380.429.412
Số dư tại 31/12/2020	3.252.524.745	621.461.054	953.300.252	4.827.286.051
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2020	8.763.469.256	-	233.241.435	8.996.710.691
Số dư tại 31/12/2020	8.516.610.968	32.898.746	101.771.565	8.651.281.279

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2020 là 0 VND, tại 01/01/2020 là 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020 là 1.221.291.617 VND, tại 01/01/2020 là 1.162.200.708 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quan lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	11.629.778.901	63.081.854.956	28.951.938.398	826.949.158	343.766.181	104.834.287.594
Mua trong năm	-	155.000.000	3.659.181.701	-	-	3.814.181.701
Số dư tại 31/12/2020	11.629.778.901	63.236.854.956	32.611.120.099	826.949.158	343.766.181	108.648.469.295
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2020	10.697.707.595	58.932.359.017	23.261.590.555	788.275.927	310.441.816	93.990.374.910
Khấu hao trong năm	574.794.692	1.022.835.139	1.857.904.974	32.566.980	16.820.448	3.504.922.233
Số dư tại 31/12/2020	11.272.502.287	59.955.194.156	25.119.495.529	820.842.907	327.262.264	97.495.297.143
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2020	932.071.306	4.149.495.939	5.690.347.843	38.673.231	33.324.365	10.843.912.684
Số dư tại 31/12/2020	357.276.614	3.281.660.800	7.491.624.570	6.106.251	16.503.917	11.153.172.152

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2020 là 11.769.135.713 VND, tại 01/01/2020 là 4.016.122.645 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020 là 80.929.879.989 VND, tại 01/01/2020 là 77.567.461.928 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

5.10.1 Đầu tư góp vốn

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý (i) VND
Đầu tư vào công ty con	60.800.851.200	(928.052.348)		60.800.851.200	(1.630.574.704)	
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	47.134.351.200	-	(i)	47.134.351.200	-	(i)
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	13.666.500.000	(928.052.348)	(i)	13.666.500.000	(1.630.574.704)	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác	26.547.500.000	(197.112.003)		26.547.500.000	(197.112.003)	
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	24.900.000.000	-	(i)	24.900.000.000	-	(i)
Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	(197.112.003)	(i)	1.647.500.000	(197.112.003)	(i)
Cộng	87.348.351.200	(1.125.164.351)		87.348.351.200	(1.827.686.707)	

Tình hình hoạt động của công ty con

Xem thuyết minh số 1.6

Giá trị hợp lý

(i) Đối với các Khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các Khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con

Xem thuyết minh số 7.2.3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:

	31/12/2020			01/01/2020		
	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	4.479.600	74,66%	74,66%	4.479.600	74,66%	74,66%
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	1.350.000	60,00%	60,00%	1.350.000	60,00%	60,00%

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2020			01/01/2020		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	CP	%	%	CP	%	%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	2.490.000	12,45%	12,45%	2.490.000	12,45%	12,45%
Công ty CP xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	85.670	10,98%	10,98%	85.670	10,98%	10,98%

5.10.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Trái phiếu (*)	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Cộng	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000

(*) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành:

Thông tin chi tiết về trái phiếu:

Thời điểm phát hành:	27/09/2019;
Kỳ hạn gốc:	120 tháng;
Kỳ hạn còn lại:	105 tháng;
Số lượng trái phiếu:	18 trái phiếu;
Mệnh giá:	10.000.000 VND;
Lãi suất:	Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm;
Phương thức nhận lãi:	Định kỳ 01 năm/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	4.844.698.732	4.844.698.732	14.640.972.868	14.640.972.868
Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP	2.521.362.884	2.521.362.884	10.961.427.530	10.961.427.530
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	2.303.335.848	2.303.335.848	3.679.545.338	3.679.545.338
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	20.000.000	20.000.000	-	-
Các bên khác	65.561.253.483	65.561.253.483	75.698.311.148	75.698.311.148
Hợp tác xã Anh Hào	-	-	3.308.053.287	3.308.053.287
Công ty TNHH TM DV Vận tải Mai Thành	3.459.168.942	3.459.168.942	9.239.649.996	9.239.649.996
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	1.797.354.900	1.797.354.900	11.817.910.500	11.817.910.500
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	1.858.212.400	1.858.212.400	6.450.846.400	6.450.846.400
Phải trả cho các đối tượng khác	58.446.517.241	58.446.517.241	44.881.850.965	44.881.850.965
Cộng	70.405.952.215	70.405.952.215	90.339.284.016	90.339.284.016

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	170.066.218	170.066.218	865.622.837	865.622.837
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Xây dựng Hồng Hà	-	-	299.600.920	299.600.920
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Hoàng Gia Phúc	99.074.580	99.074.580	99.074.580	99.074.580
Công Ty TNHH Thiết kế Và Đầu tư Trọng Anh	-	-	98.701.020	98.701.020
Các đối tượng khác	70.991.638	70.991.638	368.246.317	368.246.317
Cộng	170.066.218	170.066.218	865.622.837	865.622.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các bên khác</i>	1.634.107.342	1.634.107.342	1.414.197.126	1.414.197.126
Kinh phí công đoàn	67.082.476	67.082.476	158.799.807	158.799.807
Phải trả khác	1.567.024.866	1.567.024.866	1.255.397.319	1.255.397.319
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	325.578.290	325.578.290	381.089.866	381.089.866
Phải trả về cổ tức	193.289.400	193.289.400	35.143.000	35.143.000
Thù lao HĐQT	-	-	501.492.788	501.492.788
Các khoản khác	1.048.157.176	1.048.157.176	337.671.665	337.671.665
Cộng	1.634.107.342	1.634.107.342	1.414.197.126	1.414.197.126

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí dịch vụ	1.676.657.079	1.423.551.443
Chi phí thi công	6.455.592.359	-
Chi phí vật tư	-	928.073.991
Chi phí quà tặng	300.000.000	194.456.700
Chi phí lãi vay	232.976.523	-
Các khoản khác	200.000.000	131.084.000
Cộng	8.865.225.961	2.677.166.134

5.15 Dự phòng phải trả

5.15.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.042.760.347	-
Dự phòng phải trả khác	-	53.449.316
Cộng	1.042.760.347	53.449.316

5.15.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	10.724.571.106	10.364.280.362
Cộng	10.724.571.106	10.364.280.362

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, t. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế GTGT	-	844.170.483	3.356.594.519	1.056.965.133	-	3.143.799.869
Thuế TNDN	-	3.832.975.615	9.698.930.032	9.826.123.463	-	3.705.782.184
Thuế TNCN	-	84.364.839	406.282.787	424.066.044	-	66.581.582
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	4.761.510.937	13.464.807.338	11.310.154.640	-	6.916.163.635

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.17 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tổng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay tổ chức tín dụng	244.809.189.776	244.809.189.776	424.870.574.212	265.869.221.539	85.807.837.103	85.807.837.103
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Bình Dương	-	-	-	19.349.830.107	19.349.830.107	19.349.830.107
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai (*)	67.858.311.379	67.858.311.379	141.861.247.939	97.734.631.188	23.731.694.628	23.731.694.628
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ (**)	102.060.036.676	102.060.036.676	208.118.484.552	148.784.760.244	42.726.312.368	42.726.312.368
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bình Dương (***)	74.890.841.721	74.890.841.721	74.890.841.721	-	-	-
Vay tổ chức cá nhân	-	-	-	-	-	-
Cộng	244.809.189.776	244.809.189.776	424.870.574.212	265.869.221.539	85.807.837.103	85.807.837.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(*) Hợp đồng vay theo hạn mức số 300268746/2020-HĐCVHM/NHCT680-ACC ngày 29/04/2020:

- Hạn mức vay: 145.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: Theo từng Giấy nhận nợ và dưới 12 tháng;
- Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: Ngày 26 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:
 - Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.300268746/2020/HĐBBĐ/NHCT680-ACC ký 21/01/2020.
 - Theo hợp đồng 01/2017-HĐTC/ACC-MMTB ký ngày 23/02/2017.

(**) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/245719/HĐTD ngày 22/07/2020:

- Hạn mức vay: 150.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: Từ ngày 22/07/2020 đến hết ngày 15/07/2021;
- Mục đích sử dụng: Các khoản nợ được bên vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; ngân hàng không cấp tín dụng để Khách hàng đầu tư tài chính và kinh doanh Bất động sản.
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: Ngày 25 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/245719/HĐBBĐ ngày 25/12/2019 giữa, số công chứng 014559, quyển số 014559, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Bình Dương để đảm bảo nghĩa vụ cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ.

(***) Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 1800-LAV-200043856 ngày 03/06/2020:

- Hạn mức vay: 200.000.000.000 đồng;
- Thời gian cấp hạn mức: Từ ngày 03/06/2020 đến hết ngày 03/06/2021;
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ;
- Thời gian trả lãi: 25 hàng tháng;
- Biện pháp bảo đảm:
 - Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BK 075011, số vào sổ GCN: CT 03506 do UBND tỉnh Bình Dương ủy quyền Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/2012 tại KCN Mỹ Phước 1 phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của ông Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.18 Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2019	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	26.852.545.261	193.559.021.863
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	38.960.855.439	38.960.855.439
Trích lập quỹ kỳ này	-	-	-	-	(6.034.545.463)	(6.034.545.463)
Trích lập quỹ kỳ trước	-	-	-	-	(139.173.382)	(139.173.382)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2019	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	41.639.681.855	208.346.158.457
Số dư tại 01/01/2020	100.000.000.000	1.527.143.181	9.055.511.950	56.123.821.471	41.639.681.855	208.346.158.457
Tăng vốn trong năm nay	200.000.000.000	(182.198.000)	-	-	-	199.817.802.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	43.508.075.627	43.508.075.627
Trích lập quỹ năm trước	-	-	-	-	(4.387.130)	(4.387.130)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	300.000.000.000	1.344.945.181	9.055.511.950	56.123.821.471	80.143.370.352	446.667.648.954

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 28/06/2020 như sau:

	Phân phối lợi nhuận	
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.844.128.316	4.175.201.446
Trích quỹ thường ban quản lý điều hành	194.804.277	139.173.382
Chia cổ tức	5.000.000.000	18.000.000.000
Tổng	11.038.932.593	22.314.374.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020			01/01/2020		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	7.470.000	74.700.000.000	24,90%	2.490.000	24.900.000.000	24,90%
Ông Hoàng Xuân Quang	7.240.000	72.400.000.000	24,13%	2.480.000	24.800.000.000	24,80%
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	7.100.112	71.001.120.000	23,67%	2.366.704	23.667.040.000	23,67%
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)	2.997.600	29.976.000.000	9,99%	999.200	9.992.000.000	9,99%
Các cổ đông khác	5.192.288	51.922.880.000	17,31%	1.664.096	16.640.960.000	16,64%
Cộng	30.000.000	300.000.000.000	100%	10.000.000	100.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	200.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.000.000.000	18.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán thành phẩm	109.229.916.681	97.286.839.475
Doanh thu thi công công trình	283.178.880.598	301.682.916.678
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	9.941.946.089	3.205.307.174
Cộng	402.350.743.368	402.175.063.327

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	41.068.916.423	28.649.376.091
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	7.822.162.361	8.320.900
Cộng	48.891.078.784	28.657.696.991

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hàng bán bị trả lại	64.077.800	22.302.500
Cộng	64.077.800	22.302.500

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	72.521.972.995	71.513.702.430
Giá vốn của thi công công trình	227.688.937.423	262.353.104.441
Giá vốn dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	8.774.756.931	2.205.125.424
Cộng	308.985.667.349	336.071.932.295

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	610.865.443	484.278.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.231.800.000	6.719.400.000
Cộng	4.842.665.443	7.203.678.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	13.169.962.467	2.137.872.293
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(702.522.356)	(201.665.497)
Cộng	12.467.440.111	1.936.206.796

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	2.937.012.480	2.817.230.327
Chi phí vật liệu, bao bì	99.059.700	758.325.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.076.099.802	7.237.365.265
Các khoản chi phí bán hàng khác	207.819.293	378.171.185
Cộng	13.319.991.275	11.191.092.533

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.158.671.006	10.396.565.087
Chi phí khấu hao TSCĐ	834.290.219	821.211.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.456.945.758	3.532.598.615
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.721.131.286	1.963.918.131
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(10.000.000)	(1.914.952)
Cộng	20.161.038.269	16.712.378.172

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.176.867.381
Hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành công trình	1.123.448.399	1.363.376.183
Các khoản khác	23.288.324	416.673
Cộng	1.146.736.723	3.540.660.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53.334.199.090	46.957.681.210
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	28.218.227	(254.152.348)
Các khoản điều chỉnh tăng	28.218.227	501.739.178
Các khoản chi phí không được trừ	28.218.227	501.739.178
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Các khoản giảm khác	-	(755.891.526)
Thu nhập được miễn thuế (*)	(4.231.800.000)	(6.719.400.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	49.130.617.317	39.984.128.862
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	9.826.123.463	7.996.825.771
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.826.123.463	7.996.825.771

(*) Tiền nhận cổ tức được chia từ Công ty CP Khoáng sản Miền Đông AHP và Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.253.812.889	172.697.336.979
Chi phí nhân công	42.818.066.388	34.825.487.197
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.885.351.645	4.169.970.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.020.071.510	71.815.431.190
Chi phí khác bằng tiền	2.292.918.027	5.684.008.913
Cộng	328.270.220.459	289.192.234.594

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào khác.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7.2.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty liên kết
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP	Công ty con
Công ty CP Đá ốp lát An Bình	Công ty con
Ông Hoàng Xuân Quang	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông lớn
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)	Cổ đông lớn

7.2.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

- a. Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm của Công ty được trình bày tại phụ lục 01 đính kèm.

- b. Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Hoàng Xuân Quang		-
Thu liên góp vốn	47.600.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương		-
Thu liên góp vốn	49.800.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh		-
Thu liên góp vốn	47.334.080.000	-
Pyn Elite Fund (Non - Ucits)		-
Thu liên góp vốn	19.984.000.000	-

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.2.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty CP Đá ốp lát An Bình		
Mua đá thành phẩm	1.605.485.400	2.628.968.925
Mua cát nghiền	2.923.715.760	720.016.300
Nhận thi công lắp đặt mặt bếp đá Granite	-	61.687.636
Thu tiền thuê xúc gàu, thuê xe ben	-	22.440.000
Nhận tiền vay	4.000.000.000	-
Trả tiền vay	4.000.000.000	-
Thanh toán lãi vay	14.958.904	-
Thu kinh phí công đoàn, đoàn phí	-	29.946.166
Công ty CP Khoáng sản Miền đông AHP		
Nhận tiền cổ tức	2.239.800.000	6.719.400.000
Thanh toán	15.315.809.137	10.081.270.621
Cho mượn dầu	1.043.533.891	-
Nhận lại dầu	707.261.060	-
Thanh toán tiền mua đá và mua công	8.604.378.597	-
Công ty CP Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ di dời container	-	3.300.000
Thu tiền dịch vụ	-	112.705.349
Cung cấp dịch vụ thi công	41.068.916.423	28.546.916.601
Thuê cung cấp dịch vụ vận chuyển đá	254.795.452	76.645.680
Thuê xe cẩu bánh	98.872.780	22.513.810
Công ty CP Bệnh viện Mỹ Phước		
Cổ tức	1.992.000.000	-

7.2.4. Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan.

7.3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

7.3.1. Thông tin lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: Sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại;
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống, thi công xây dựng dân dụng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

7.3.2. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty hoạt động chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7.5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày 25/02/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ACC đã hoàn thành chuyển nhượng 17.918.400 quyền mua cổ phần Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP (BMJ) cho các cổ đông hiện hữu và sau đợt chào bán thì tỷ lệ sở hữu còn lại là 14,932% / vốn điều lệ. Như vậy, kể từ ngày 25/02/2021 Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP (BMJ) không còn là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ACC.



Nguyễn Thị Thúy Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính
Bình Dương, ngày 04 tháng 03 năm 2021

Phạm Huy Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Thông tin về thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Thông tin về tiền lương, tiền thưởng và tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	Năm 2020			Năm 2019		
	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Tiền thù lao VND	Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Tiền thù lao VND
Hội đồng quản trị	805.000.000	114.500.000	451.000.000	780.000.000	-	329.000.000
Trương Đức Hùng	-	-	-	-	-	75.000.000
Phạm Xuân Phương	560.000.000	61.000.000	101.000.000	400.000.000	-	-
Quảng Văn Việt Cường	-	-	-	-	-	75.000.000
Nguyễn Danh Tùng	-	-	-	-	-	67.000.000
Huỳnh Vĩnh Thành	-	-	-	-	-	67.000.000
Huỳnh Tấn An	-	-	-	-	-	45.000.000
Nguyễn Đình Trường	-	-	101.000.000	-	-	-
Đỗ Mạnh Cường	-	-	93.500.000	-	-	-
Đặng Thành Kiên	-	-	-	105.000.000	-	-
Nguyễn Hải Đăng	-	-	93.500.000	30.000.000	-	-
Hoàng Xuân Quang	245.000.000	53.500.000	62.000.000	245.000.000	-	-
Ban Tổng Giám đốc	2.382.372.217	227.114.597	-	1.831.587.813	331.054.033	23.000.000
Nguyễn Hồng Tuyền	312.554.067	49.255.682	-	432.950.455	98.124.068	-
Phạm Thị Thương	26.381.545	-	-	357.681.545	83.084.013	23.000.000
Nguyễn T. Thúy Vân	389.138.259	38.099.333	-	324.789.268	75.922.976	-
Nguyễn Xuân Cường	415.223.945	37.572.318	-	331.681.545	73.922.976	-
Nguyễn Quốc Thanh	61.410.000	37.564.500	-	153.658.000	-	-
Lê Hùng Lam	30.857.778	24.058.264	-	-	-	-
Võ Thành Tài	393.866.970	1.000.000	-	-	-	-
Phạm Hữu Nguyên	344.311.052	1.000.000	-	-	-	-
Phạm Huy Hậu	408.628.600	38.564.500	-	230.827.000	-	-
Tổng cộng	3.187.372.217	341.614.597	451.000.000	2.611.587.813	331.054.033	352.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	109.166.192.881	283.178.880.598	9.941.592.089	-	402.286.665.568
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.166.192.881	283.178.880.598	9.941.592.089	-	402.286.665.568
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	72.521.972.995	227.688.937.423	8.774.756.931	-	93.300.998.219
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	36.644.219.886	55.489.943.175	1.166.835.158	-	(33.481.029.544)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					59.819.968.675
Doanh thu hoạt động tài chính					4.842.665.443
Chi phí tài chính					(12.467.440.111)
Thu nhập khác					1.146.736.723
Chi phí khác					(7.731.640)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(9.826.123.463)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					43.508.075.627
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.742.014.852	12.335.611.399	-	-	22.077.626.251
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.578.404.057	2.983.235.297	-	-	4.561.639.354
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	97.277.942.875	301.673.331.878	3.201.486.074	-	402.152.760.827
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.277.942.875	301.673.331.878	3.201.486.074	-	402.152.760.827
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	25.764.240.445	39.320.227.437	996.360.650	-	66.080.828.532
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(27.903.470.705)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					38.177.357.827
Doanh thu hoạt động tài chính					7.203.678.915
Chi phí tài chính					(1.936.206.796)
Thu nhập khác					3.540.660.237
Chi phí khác					(27.808.973)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(7.996.825.771)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					38.960.855.439
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	103.140.000	1.010.933.820	-	-	1.114.073.820
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.041.154.081	3.183.852.735	-	-	5.225.006.816
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
 Lô D_3_CN, đường N7 - KCN Mỹ Phước, p. Mỹ Phước, tx. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	51.325.150.494	515.249.901.036	37.646.268	-	566.612.697.798
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					230.045.197.187
Tổng tài sản					796.657.894.985
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	18.217.865.795	65.984.880.715	44.782.214	-	84.247.528.724
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					265.742.717.307
Tổng nợ phải trả					349.990.246.031
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	34.698.411.979	211.449.455.252	44.630.345	-	246.192.497.576
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					168.181.748.294
Tổng tài sản					414.374.245.870
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.473.909.417	73.650.546.578	1.334.040	-	93.125.790.034
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					112.902.297.379
Tổng nợ phải trả					206.028.087.413



Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

